



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỲ



Tháng 4 - 2020

LỄ TRAO QUÀ TẶNG CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VÀ NHÂN DÂN VIỆT NAM, CHIA SẺ VỚI CUBA TRONG PHÒNG CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2020



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao tượng trưng 5.000 tấn gạo cho Đại sứ Cuba tại Việt Nam Lianys Torres Rivera



Toàn cảnh buổi Lễ

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MỘT

8

SỐ 8 - 4/2020



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@voc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 7
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 9
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. 11
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 12
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 14

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Tuyên Quang có quyết định quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh 16

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

BẠCH MINH TUẤN

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiên cứu đề tài do Viện Kinh tế xây dựng thực hiện 19
- Nghiên cứu đề tài Nghiên cứu mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam 21
- Nghiên cứu sử dụng cát nghiền từ phế thải xây dựng thay thế cát tự nhiên trong bê tông và vữa xây dựng 22
- Ứng dụng sợi thủy tinh để gia cố các cột bê tông cốt thép 29
- Nghiên cứu về quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ đô thị 31

Thông tin

- Hiệp hội Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường Bất động sản 35
- Tổng Công ty HUD: Chủ động xây dựng phương án ứng phó với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19 38
- Xây dựng nông thôn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu 40
- Nhiệm vụ và giải pháp phát triển công tác quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau 2020 42
- Con đường quy hoạch nông thôn tại Anh và sự liên hệ trong quy hoạch nông thôn tại Trung Quốc 44
- Những thiết kế thang máy độc đáo nhất thế giới 46

**VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW****Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030**

Ngày 18 tháng 3 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 393/QĐ-TTg phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Đà Nẵng đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

Mục tiêu phát triển*Mục tiêu tổng quát*

Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, du lịch, thương mại, tài chính, logistics, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, công nghiệp hỗ trợ; là một trong những trung tâm văn hoá - thể thao, giáo dục - đào tạo, y tế chất lượng cao, khoa học - công nghệ phát triển của đất nước; trung tâm tổ chức các sự kiện tầm khu vực và quốc tế; thành phố cảng biển, đô thị biển quốc tế với vị trí là hạt nhân của chuỗi đô thị và cực tăng trưởng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung - Tây Nguyên; trở thành đô thị sinh thái, hiện đại và thông minh, thành phố đáng sống, có tổ chức đảng và hệ thống chính trị vững mạnh, chính quyền tiên phong trong đổi mới và phát triển, người dân có mức sống thuộc nhóm địa phương dẫn đầu cả nước với chất lượng cuộc sống tốt, thân thiện, hạnh phúc và sáng tạo; quốc phòng, an ninh và chủ quyền biển, đảo được bảo đảm vững chắc.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Phần đầu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2021-2030 đạt 12%/năm. Cơ cấu kinh tế: ngành dịch vụ 67-68%, công nghiệp và xây dựng 31-32%, nông nghiệp 1%. Dự báo dân số khoảng 2,5 triệu người (cả quy đổi), trong đó dự

báo dân số chính thức (không bao gồm khách vãng lai) khoảng 1,5 triệu người. Tỷ lệ việc làm tăng thêm đạt 5-5,5%/năm, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70% vào năm 2030. Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom xử lý đạt 100%, tỷ lệ nước thải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường đạt 80%, tỷ lệ cây xanh đô thị 6- 8 m²/người; tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%. Độ che phủ rừng đạt khoảng 45%.

Định hướng phát triển kết cấu hạ tầng đô thị

a) Giao thông vận tải

- Giao thông đối ngoại: di dời Ga đường sắt Đà Nẵng ra khỏi trung tâm thành phố và tuyến đường sắt mới gắn với dự án xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam. Nâng cấp tuyến Quốc lộ 14B; tuyến đường hành lang kinh tế Đông Tây 2 (quốc lộ 14D); mở rộng quốc lộ 14G; tiếp tục đầu tư hoàn thiện đường vành đai phía Tây; tuyến đường trục I Tây Bắc; đường và cầu qua sông Cổ Cò; tuyến đường quy hoạch dọc theo tuyến đường sắt mới. Sớm triển khai xây dựng Cảng Liên Chiểu thành cảng loại IA theo quy hoạch hệ thống cảng quốc gia. Mở rộng và chuyển đổi Cảng Tiên Sa thành Cảng du lịch quốc tế. Sớm hoàn thành các dự án đường bộ kết nối khu vực: các tuyến cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi, Đà Nẵng - Quảng Trị (trước mắt đoạn La Sơn - Túy Loan).

- Giao thông nội thị: Nghiên cứu lại tổng thể việc tổ chức giao thông nội thị trong đó sớm nghiên cứu giải pháp tổ chức hệ thống giao thông ngầm đô thị. Xây dựng đường hầm qua sân bay Đà Nẵng; nâng cấp mở rộng các tuyến

đường tỉnh, đường huyện, đường trục đô thị và đường liên khu vực và đầu tư xây dựng mới đối với một số đường trục đô thị, đường liên khu vực. Xây dựng một số nút giao thông ở trung tâm thành phố theo hình thức giao thông khác mức; xây dựng hệ thống giao thông tỉnh theo quy hoạch; xây dựng trung tâm điều khiển tích hợp hệ thống giao thông thông minh ITS và các bãi đỗ xe thông minh. Nghiên cứu vị trí đầu tư xây dựng công trình vượt sông trên toàn tuyến sông Hàn; nâng cấp, cải tạo hệ thống giao thông đường sông, cải tạo các cảng trên sông Hàn phục vụ giao thông và du lịch, mở thêm một số tuyến vừa phục vụ vận tải hàng hóa, vừa phục

b) Mạng lưới cấp điện

- Phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng mặt trời, ngầm hóa lưới điện trung, cao thế trong khu vực nội thị.

c) Cấp nước: Triển khai xây dựng các dự án nhà máy nước Hòa Liên với công suất đến trên 250.000 m³/ngày và nhà máy nước hồ Hòa Trung với công suất khoảng 20.000 m³/ngày.

d) Thoát nước và xử lý nước thải: Tiếp tục đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện hệ thống thoát nước đô thị, nhằm khắc phục tình trạng ngập úng và ô nhiễm môi trường. Đầu tư mở rộng, nâng cao công suất và chất lượng xử lý nước thải đô thị tại 05 trạm xử lý nước thải đô thị; nâng cấp, cải tạo các trạm xử lý nước thải công nghiệp tập trung tại các khu công nghiệp. Nâng cấp và đầu tư mới hệ thống (trạm) xử lý nước thải tại các bệnh viện, trung tâm y tế...

e) Hạ tầng xã hội: Quy hoạch quỹ đất phục vụ cho giáo dục, y tế và các thiết chế văn hóa; xã hội hóa trong đầu tư phát triển giáo dục, y tế và văn hóa. Xây dựng Khu đô thị Đại học Đà Nẵng theo quy hoạch; rà soát, sắp xếp và di chuyển các trường cao đẳng, đại học trong nội đô ra khu vực quy hoạch. Nâng cấp, hiện đại hóa theo hướng chuyên sâu các bệnh viện trên địa bàn; thu hút đầu tư xây dựng các bệnh viện quốc tế. Triển khai tu bổ, tôn tạo di tích quốc

gia Thành Điện Hải và di dời Bảo tàng Đà Nẵng. Xây dựng Trung tâm văn hóa thành phố; Nhà hát lớn thành phố... Liên kết, phối hợp với tỉnh Thừa Thiên Huế để tu bổ, tôn tạo di tích Hải Vân Quan.

Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ

a) Định hướng phân bố sản xuất công nghiệp

- Gồm 0,8 khu công nghiệp (KCN) tập trung: KCN Liên Chiểu, KCN Hòa Khánh, KCN Hòa Khánh mở rộng, KCN Hoà Cẩm giai đoạn 1, KCN Dịch vụ Thủy sản Đà Nẵng, KCN Hoà Cẩm giai đoạn 2, KCN Hòa Nhơn và KCN Hoà Ninh; 05 cụm công nghiệp (CCN): CCN Thanh Vinh mở rộng, CCN Cẩm Lệ, CCN Hòa Nhơn, CCN Hòa Khánh Nam và CCN Hòa Hiệp Bắc; 04 khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung: Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, Khu phụ trợ Khu Công nghệ cao Đà Nẵng, Khu công nghệ thông tin tập trung Đà Nẵng - giai đoạn 1 và giai đoạn 2, Khu công nghệ thông tin tập trung.

b) Định hướng phân bố sản xuất nông nghiệp

- Tập trung các hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp chủ yếu ở huyện Hoà Vang; hoạt động khai thác thủy sản và hậu cần nghề cá ở quận Sơn Trà; các hoạt động nông nghiệp đô thị ở các quận còn lại.

c) Định hướng tổ chức lãnh thổ các ngành du lịch

- Trung tâm dịch vụ du lịch gồm có: Dịch vụ du lịch biển (các khu nghỉ dưỡng cao cấp, hệ thống khách sạn, dịch vụ du lịch) bố trí từ khu vực bán đảo Sơn Trà đến giáp Quảng Nam, vịnh Đà Nẵng - mỏm Nam Ô - sông Trường Định - đèo Hải Vân; du lịch sinh thái sông, hồ bố trí dọc các sông Hàn - Vĩnh Điện - Cẩm Lệ, Cổ Cò, Cu Đê, hồ Đồng Nghệ. Du lịch sinh thái nghỉ dưỡng trên núi bố trí tại quần thể khu du lịch Bà Nà, Suối Mơ; phía nam đèo Hải Vân, khu du lịch Làng Vân, khu vực phía Tây.

d) Định hướng phát triển đô thị

- Mở rộng liên kết vùng, kết nối thành phố với các vùng phụ cận để tạo không gian phát triển đô thị. Xây dựng đô thị theo mô hình thành phố thông minh, tiện ích cao, có diện mạo quy hoạch kiến trúc đặc sắc và nhân văn. Phát triển hệ thống không gian xanh, hệ thống quảng trường, phố đi bộ gắn với các trung tâm, cửa hàng mua sắm, chợ đêm và các không gian công cộng. Xây dựng hình ảnh đô thị hài hòa, sinh động, phát huy tối đa các giá trị tự nhiên của một đô thị có sông, núi, biển, đảo. Thực hiện tái thiết khu trung tâm đô thị cũ theo hướng mô hình đô thị nén. Quy hoạch Vịnh Đà Nẵng thành “đô thị biển” với kiến trúc và dịch vụ đặc sắc.

e) Định hướng sử dụng quỹ đất

- Quy hoạch sử dụng đất phù hợp với định hướng phát triển không gian thành phố Đà Nẵng về lâu dài, đồng thời phù hợp các chỉ tiêu sử dụng đất của các ngành, các địa phương cụ thể đến năm 2030. Chú trọng nguồn đất dự trữ phát

triển. Khoanh định, quản lý các loại đất hiện trạng, đề ra các giải pháp sử dụng đất phục vụ cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội thành phố, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất hiện tại và tương lai của các ngành, các cấp. Phân bố đất đai sử dụng cho các ngành các cấp theo quy hoạch, kế hoạch phù hợp với vị trí và không gian đô thị trong tương lai, thúc đẩy kinh tế phát triển. Tạo cơ sở pháp lý và khoa học cho việc giao đất, thu hồi đất, sử dụng đất đúng pháp luật, đúng mục đích, có hiệu quả. Bảo đảm mối quan hệ hài hòa giữa khai thác sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội với sử dụng đất bền vững và bảo vệ môi trường sinh thái. Đặc biệt, chú trọng quỹ đất tại các khu vực nhạy cảm như bờ biển, vùng đệm các dòng sông, các triền đồi núi...

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 07 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 462/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch:

Phạm vi ranh giới quy hoạch có tổng diện tích tự nhiên là 2.694,64 km², bao gồm 9 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã, thành phố (03 thành phố: Thủ Dầu Một, Thuận An, Dĩ An; 02 thị xã: Tân Uyên, Bến Cát và 04 huyện: Bàu Bàng, Dầu Tiếng, Phú Giáo, Bắc Tân Uyên); ranh giới:

- Phía Bắc: giáp tỉnh Bình Phước
- Phía Nam: giáp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phía Đông: giáp tỉnh Đồng Nai;

- Phía Tây: giáp tỉnh Tây Ninh.

2. Quan điểm lập quy hoạch:

- Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải đảm bảo phát huy được vai trò, vị thế của tỉnh Bình Dương luôn là một trong những địa phương phát triển năng động nhất của khu vực phía Nam và cả nước. Xây dựng tỉnh Bình Dương phát triển thịnh vượng; đô thị Bình Dương văn minh, giàu đẹp, thông minh.

- Đảm bảo sự tương thích, tính thống nhất, liên kết, đồng bộ giữa quy hoạch tỉnh với các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng theo Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy

hoạch năm 2017. Đồng thời, quy hoạch tỉnh phải đảm bảo tính tổng thể, đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực, các địa phương trong tỉnh; vừa đáp ứng các nhu cầu trong hiện tại, vừa tạo nền tảng phát triển cho các thời kỳ tiếp theo.

- Đảm bảo đánh giá đầy đủ các điều kiện, yếu tố và dự báo bối cảnh quốc tế, khu vực, trong nước có tác động trực tiếp đến phát triển của tỉnh, của vùng, đặc biệt là kết nối giữa tỉnh Bình Dương với các tỉnh, thành phố trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trên các lĩnh vực quan trọng như: phát triển công nghiệp, dịch vụ, đô thị, kết nối hạ tầng, đào tạo và sử dụng nguồn nhân lực, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, biến đổi khí hậu và các cân đối cung - cầu thị trường hàng hóa, dịch vụ thiết yếu khác. Trong quá trình xác định các phương án phát triển, cần chỉ ra các đặc thù, lợi thế so sánh quan trọng nhất của tỉnh nhằm tiếp tục phát huy thế mạnh, tiềm năng; đồng thời, nghiên cứu đổi mới, sáng tạo để tỉnh đi đầu cả nước trong nhiều ngành, lĩnh vực then chốt.

3. Nguyên tắc lập quy hoạch:

- Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 phải phù hợp với nội dung của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước, các chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực quan trọng của cả nước; cụ thể hóa quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Đông Nam bộ, quy hoạch vùng kinh tế trọng điểm phía Nam trên địa bàn tỉnh; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên;

- Thực hiện theo quy định của Luật Quy hoạch, quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

- Bảo đảm sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia;

- Bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học;

- Bảo đảm tính nhân dân, sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; bảo đảm hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân, trong đó lợi ích quốc gia là cao nhất;

- Bảo đảm tính khoa học và ứng dụng công nghệ hiện đại để lập các nội dung quy hoạch; bảo đảm tính thị trường trong các yếu tố phân tích, lựa chọn đánh giá các yếu tố đầu vào và các yếu tố đầu ra trong quá trình xây dựng các nội dung quy hoạch;

- Bảo đảm thống nhất quản lý nhà nước về quy hoạch, phân cấp, phân quyền hợp lý giữa các cơ quan nhà nước. Bảo đảm nguồn lực để thực hiện quy hoạch; tính tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nguồn lực của tỉnh; bảo đảm khả năng giải trình; bảo đảm tính khách quan, công khai và minh bạch.

4. Nội dung lập quy hoạch:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của địa phương;

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn;

- Đánh giá về việc thực hiện quy hoạch thời kỳ trước;

- Xây dựng quan điểm, xác định mục tiêu và lựa chọn các phương án phát triển, phương án quy hoạch, phương hướng phát triển các ngành quan trọng và phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh;

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh;

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh;

- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội;

- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị; phương án phát triển đô thị và các thị xã, thị

trấn trên địa bàn tỉnh;

- Phương án phát triển hệ thống khu kinh tế; khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao; khu du lịch; khu nghiên cứu, đào tạo; khu thể dục thể thao; khu bảo tồn, khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh; phương án phát triển các cụm công nghiệp;

- Phương án phát triển mạng lưới giao thông;

- Phương án phát triển mạng lưới cấp điện; mạng lưới viễn thông; mạng lưới thủy lợi, cấp nước; mạng lưới thủy lợi, cấp nước liên huyện; các khu xử lý chất thải;

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;

- Phương án phân bổ và khoanh vùng đất

đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện;

- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện;

- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên;

- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 07 tháng 4 năm 2020 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 479/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Mục tiêu lập Quy hoạch

- Phân tích, đánh giá được thực trạng kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2011 - 2020, dự báo và đề xuất các phương án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xác định được các quan điểm, mục tiêu và đột phá phát triển và phương án phát triển các ngành, lĩnh vực, lựa chọn phương án tối ưu, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đảm bảo phát triển bền vững dài hạn trên cả 3 trụ cột là kinh tế - xã hội - môi trường.

- Quy hoạch là căn cứ khoa học, công cụ pháp lý quan trọng để chính quyền các cấp của tỉnh Quảng Ninh sử dụng trong lãnh đạo, chỉ

đạo, thống nhất công tác quản lý nhà nước và hoạch định chính sách, kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để xây dựng và triển khai các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, đảm bảo tính khách quan, khoa học; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia với quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

- Xây dựng được phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn; lựa chọn được các phương án tổ chức, phát triển hoạt động kinh tế - xã hội có hiệu quả, là cơ sở cho việc đề xuất: phương án tổ chức không gian chung, hệ thống kết cấu hạ tầng, hệ thống đô thị, nông thôn, các khu chức năng có vai trò động lực; phương án tổ chức phát triển mạng

lưới và không gian cho hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng hiệu quả và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu... và giải pháp bố trí không gian phát triển hợp lý nhằm giải quyết các xung đột về không gian trên địa bàn tỉnh cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở huy động hiệu quả các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Xây dựng được phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện đáp ứng cao nhất nhu cầu thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của từng khu vực và khả năng kết nối đồng bộ, tổng thể trong tỉnh và vùng trung du miền núi phía Bắc, vùng đồng bằng sông Hồng, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

- Xây dựng được danh mục và thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư, cũng như giải pháp huy động nguồn lực thực hiện quy hoạch theo các kịch bản phát triển.

- Xác định được các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp (về cơ chế, chính sách, huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển kinh tế - xã hội...) tính khả thi; đồng thời loại bỏ các quy hoạch chồng chéo, cản trở đầu tư phát triển trên địa bàn; bảo đảm công khai minh bạch, công bằng trong huy động, tiếp cận cũng như phát huy tối đa các nguồn lực trong hoạt động đầu tư phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

- Xây dựng được hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) quy hoạch thống nhất trong tỉnh đáp ứng yêu cầu quản lý phát triển của tỉnh, vùng và quốc gia.

2. Nội dung của Quy hoạch

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố,

điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh (gồm các điều kiện tự nhiên, xã hội; bối cảnh bên ngoài; tổng hợp các cơ hội, thách thức).

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn (gồm thực trạng phát triển kinh tế, xã hội; công tác đảm bảo quốc phòng - an ninh; tổ chức không gian và phát triển hạ tầng; sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức).

- Quan điểm, mục tiêu và phương án phát triển (gồm quan điểm phát triển; xây dựng kịch bản và phương án phát triển; mục tiêu phát triển; các nhiệm vụ trọng tâm và các khâu đột phá).

- Phương án phát triển các ngành quan trọng (gồm các ngành công nghiệp; dịch vụ; nông, lâm nghiệp và thủy sản; các lĩnh vực văn hóa, xã hội và quốc phòng - an ninh).

- Phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội.

- Phương án tổ chức hệ thống đô thị, nông thôn và kết cấu hạ tầng.

- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên.

- Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 09 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 490/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Nguyên tắc

- Việc lập “Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050” phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 của cả nước; chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; các điều ước quốc tế mà Việt Nam là nước thành viên;

- Bảo đảm tính nhân dân, sự tuân thủ, tính liên tục, kế thừa, ổn định, thứ bậc trong hệ thống quy hoạch quốc gia;

- Bảo đảm tính khả thi, khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả;

- Bảo đảm tính liên kết không gian, thời gian trong quá trình lựa chọn các công cụ sử dụng trong hoạt động quy hoạch;

- Bảo đảm tính linh hoạt, thích ứng và tăng cường khả năng phòng ngừa chống chịu được các cú sốc, các thảm họa thiên nhiên (nếu xảy ra);

- Bảo đảm phát huy được vai trò vị thế và tiềm năng của tỉnh Phú Thọ là một trong cửa ngõ giao thương giữa Vùng Đồng bằng Sông Hồng và Vùng Trung du và miền núi phía Bắc;

- Bảo đảm tính thị trường trong việc huy động các yếu tố, nguồn lực, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như trong xây dựng định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh; đảm bảo nguyên tắc thị trường có sự quản

lý của Nhà nước trong phân bổ nguồn lực;

- Bảo đảm kết hợp quản lý ngành với quản lý lãnh thổ; bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, các địa phương và lợi ích của người dân.

2. Nội dung lập quy hoạch

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo tính liên kết, đồng bộ, khai thác và sử dụng hiệu quả hệ thống kết cấu hạ tầng hiện có giữa các ngành và các vùng liên huyện, các địa phương trên địa bàn tỉnh; xác định cụ thể các khu vực sử dụng cho mục đích quân sự, quốc phòng, an ninh ở cấp tỉnh, liên huyện và định hướng bố trí trên địa bàn cấp huyện.

- Xây dựng và cụ thể hóa các quan điểm chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội; chú trọng thúc đẩy phát triển các khu vực có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và đảm bảo sinh kế bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên gắn với bảo tồn các giá trị lịch sử - văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Ứng dụng công nghệ hiện đại, số hóa, thông tin, cơ sở dữ liệu trong quá trình lập Quy hoạch; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, kỹ thuật và phù hợp với yêu cầu phát triển, hội

nhập quốc tế và liên kết vùng.

3. Các nội dung đề xuất nghiên cứu

- Định hướng bố trí không gian phát triển kinh tế dọc theo tuyến hành lang cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ và dọc hành lang tuyến cao tốc Nội Bài - Lào Cai giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Phương án Quy hoạch bảo tồn và phát triển bền vững Vườn Quốc gia Xuân Sơn tỉnh Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn thành phố

Việt Trì thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn Thị xã Phú Thọ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên địa bàn huyện Phù Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 10 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 501/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch

- Phần lãnh thổ đất liền

Phạm vi lập quy hoạch đối với phần lãnh thổ đất liền là 3.358 km², được giới hạn như sau:

- + Phía Bắc: Giáp tỉnh Khánh Hòa
- + Phía Đông: Giáp Biển Đông;
- + Phía Nam: Giáp tỉnh Bình Thuận;
- + Phía Tây: Giáp tỉnh Lâm Đồng;

- Phần không gian biển: Được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 51/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguyên tắc lập quy hoạch

- Đảm bảo sự tuân thủ, bám sát các quy trình, nội dung, nguyên tắc theo Luật Quy hoạch, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thực hiện Luật Quy hoạch;

- Đảm bảo sự thống nhất và đồng bộ nhưng cũng cần giải quyết những vấn đề bất hợp lý, xung đột giữa quy hoạch tỉnh Ninh Thuận với các chiến lược phát triển kinh tế cấp quốc gia, cấp vùng cũng như với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội đến năm 2020; quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Ninh Thuận đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các quy hoạch ngành và các dự án trọng điểm cấp quốc gia, cấp vùng, liên tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đảm bảo khai thác và phát huy hết các tiềm năng và lợi thế về năng lượng tái tạo, kinh tế biển, du lịch - văn hóa để đề xuất các giải pháp đột phá, tạo động lực phát triển kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và vị thế của tỉnh Ninh Thuận.

- Đảm bảo phát huy lợi thế địa lý của Ninh Thuận là cửa ngõ kết nối vùng kinh tế trọng điểm Đông Nam Bộ với các tỉnh Nam Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, có lợi thế lớn như: Cảng biển nước sâu... trong việc giao thương, tạo điều kiện thúc đẩy kinh tế phát triển.

- Đáp ứng được các yêu cầu phát triển trong giai đoạn hội nhập, đặc biệt là khi Việt Nam đã

tham gia và phát huy vai trò thành viên ở nhiều tổ chức kinh tế quốc tế cùng với đó là việc thực hiện các cam kết, hoàn tất đàm phán và thực thi các hiệp định FTA, gần nhất là ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA).

- Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận là dạng quy hoạch tích hợp, vì vậy quá trình lập quy hoạch phải công khai, minh bạch, sự giám sát của người dân, cộng đồng, sự phối hợp một cách có hiệu quả giữa các cơ quan tổ chức lập quy hoạch, các ngành, địa phương, đơn vị tư vấn và các bên có liên quan để sản phẩm quy hoạch có chất lượng và đúng tiến độ đề ra.

- Cần ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin, đặc biệt là ứng dụng hệ thống thông tin địa lý GIS trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu hiện trạng phục vụ hỗ trợ ra quyết định, đề xuất phương án quy hoạch cũng như quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu quy hoạch sau khi quy hoạch được duyệt.

3. Nội dung lập quy hoạch

a. Yêu cầu

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trên cả 6 trụ cột: Năng lượng; du lịch; nông, lâm, thủy sản; công nghiệp; giáo dục, đào tạo; xây dựng và kinh doanh bất động sản; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên;

- Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ tỉnh Ninh Thuận, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai;

- Việc phân bổ phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải thống nhất giữa kết

cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường, dịch vụ hệ sinh thái;

- Có sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh; sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế, xã hội, môi trường trong quá trình lập quy hoạch;

- Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế, xã hội và môi trường đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em; quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, chậm phát triển và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, chậm phát triển; sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương;

- Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch; tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước;

- Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

b. Các nội dung chính của quy hoạch

- Nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Ninh Thuận thời kỳ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch với những nội dung chủ yếu sau:

+ Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố,

điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Ninh Thuận.

+ Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

+ Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

+ Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án quy hoạch hệ thống đô thị;

+ Phương án phát triển mạng lưới giao thông;

+ Phương án phát triển mạng lưới cấp điện;

+ Phương án phát triển mạng lưới viễn thông;

+ Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước;

+ Phương án phát triển các khu xử lý chất thải;

+ Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.

+ Lập phương án phân bổ và khoanh vùng

đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

+ Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

+ Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

+ Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

+ Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Ngày 10 tháng 4 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 502/QĐ-TTg phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

1. Phạm vi quy hoạch

- Phần lãnh thổ đất liền

Phạm vi lập quy hoạch đối với phần lãnh thổ đất liền là 5.023,4 km², được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc: Giáp tỉnh Bình Định;

+ Phía Đông: Giáp Biển Đông;

+ Phía Nam: Giáp tỉnh Khánh Hòa;

+ Phía Tây: Giáp tỉnh Đắk Lắk và tỉnh Gia Lai;

- Phần không gian biển: Được xác định trên cơ sở Luật Biển Việt Nam ngày 21 tháng 6 năm 2012; Nghị định số 51/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Quyết định số 513/QĐ-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2012 của

Thủ tướng Chính phủ.

2. Mục tiêu lập quy hoạch

- Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là công cụ để chính quyền các cấp của tỉnh Phú Yên lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện và thống nhất quản lý; sử dụng trong việc hoạch định chính sách và kiến tạo động lực phát triển; là cơ sở để triển khai kế hoạch đầu tư công, thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Phú Yên, đảm bảo tính khách quan, khoa học.

- Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm xây dựng kịch bản phát triển, ý tưởng và phương án tổng thể; bố trí hợp lý không gian để giải quyết các vấn đề xung đột về không gian trong địa bàn tỉnh hiện nay và định hướng không gian cho các nhu cầu phát triển trong tương lai trên cơ sở quy

động hợp lý các điều kiện bên trong và thu hút các nguồn lực từ bên ngoài; đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy nhanh việc thực hiện các khâu đột phá chiến lược; hướng tới phát triển bền vững trên cả 3 trụ cột: Kinh tế - xã hội - môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên trong dài hạn.

- Việc lập quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Nam Trung Bộ và quy hoạch tỉnh Phú Yên.

3. Nội dung lập quy hoạch

a. Yêu cầu

- Định hướng phát triển, sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế - xã hội phải đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, cấp vùng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững; phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế, các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Bảo đảm yêu cầu hoạch định và phát triển trên toàn bộ không gian lãnh thổ tỉnh Phú Yên, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu; phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử, di sản văn hóa, di sản thiên nhiên cho các thế hệ hiện tại và tương lai.

- Việc phân bổ phát triển không gian trong quá trình lập quy hoạch phải thống nhất giữa kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường.

- Có sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng an ninh; sự

cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, môi trường trong quá trình lập quy hoạch.

- Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế, xã hội và môi trường đối với sinh kế của cộng đồng, người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em; quá trình lập quy hoạch phải được kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, chậm phát triển và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân trong khu vực khó khăn, chậm phát triển; sự kết hợp hài hòa giữa lợi ích của Nhà nước và lợi ích của cộng đồng; giữa lợi ích của các vùng, các địa phương.

- Bảo đảm quyền tham gia ý kiến của cơ quan, tổ chức, cộng đồng và cá nhân trong quá trình lập quy hoạch; tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế của đất nước.

- Nội dung của từng loại quy hoạch phải thống nhất, liên kết với nhau và được thể hiện bằng báo cáo quy hoạch và hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu về quy hoạch.

b. Nội dung

Nội dung chủ yếu của Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện theo các quy định tại Điều 27 Luật Quy hoạch và Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch với những nội dung chủ yếu sau:

- Phân tích, đánh giá, dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh Phú Yên.

- Đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn.

- Quan điểm, mục tiêu và lựa chọn phương án phát triển tỉnh.

- Phương hướng phát triển các ngành quan trọng trên địa bàn tỉnh.

- Lựa chọn phương án tổ chức hoạt động

kinh tế - xã hội.

- Phương án quy hoạch hệ thống đô thị;
- Phương án phát triển mạng lưới giao thông;
- Phương án phát triển mạng lưới cấp điện;
- Phương án phát triển mạng lưới viễn thông;
- Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước;
- Phương án phát triển các khu xử lý chất thải;
- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng xã hội.
- Lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.
- Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện.

- Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên trên địa bàn tỉnh.

- Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

- Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Tuyên Quang có quyết định quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 20 tháng 4 năm 2020, UBND tỉnh Tuyên Quang đã có Quyết định số 03/2020/QĐ-UBND quy định về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về việc phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND tỉnh cho Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh; điều kiện về quy mô, thời gian tồn tại của công trình xây dựng được cấp phép xây dựng có thời hạn; quy định các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị và trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan cấp giấy phép xây dựng; các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài là chủ đầu tư xây dựng công trình; các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác cấp giấy phép xây

dựng và thực hiện xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

3. Phân cấp thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND tỉnh cho Sở Xây dựng, Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh

- UBND tỉnh phân cấp cho Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng cấp I, cấp II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công trình tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị (không bao gồm nhà ở riêng lẻ); công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- UBND tỉnh phân cấp cho Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Bộ Xây dựng.

4. Điều kiện về quy mô, thời gian tồn tại

của công trình cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

a) Điều kiện về quy mô công trình được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn:

- Công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 94 Luật Xây dựng và đáp ứng các điều kiện sau:

+ Đối với nhà ở riêng lẻ: Diện tích xây dựng không quá 100m², 01 tầng, chiều cao tối đa không quá 5,7m (bao gồm cả chiều cao phần mái chống nóng), không xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm.

+ Đối với công trình xây dựng khác: Diện tích xây dựng không quá 400m², 01 tầng, chiều cao tối đa không quá 4,8m (bao gồm cả chiều cao phần mái công trình), không xây dựng tầng hầm, tầng nửa hầm.

- Thời gian tồn tại đối với công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn: Theo thời gian thực hiện quy hoạch phân khu xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị**a. Sở Xây dựng**

- Hướng dẫn, kiểm tra công tác cấp giấy phép xây dựng của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh, UBND các huyện, thành phố.

- Thực hiện thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong công tác cấp giấy phép xây dựng theo quy định.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng tình hình thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b. UBND các huyện, thành phố

- Tổ chức thực hiện cấp giấy phép xây dựng theo thẩm quyền, kiểm tra và xử lý vi phạm theo đúng quy định.

- Căn cứ quy hoạch, thiết kế đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt lập Quy chế quản lý

kiến trúc đô thị cho đô thị đang quản lý (đô thị loại 2, 3 và các thị xã), trình UBND tỉnh phê duyệt; tổ chức lập, phê duyệt và ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị cho các thị trấn thuộc quyền quản lý theo quy định làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng. Những khu vực, tuyến phố không thuộc danh mục yêu cầu phải lập đồ án thiết kế đô thị, UBND huyện, thành phố cấp giấy phép xây dựng theo quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xác định, thông báo công khai các khu vực ở nông thôn chưa có quy hoạch phát triển đô thị và quy hoạch chi tiết xây dựng được duyệt.

- Xác định vùng đã được phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng nhưng chưa triển khai thực hiện quy hoạch để làm cơ sở cho việc cấp giấy phép xây dựng có thời hạn.

- Chỉ đạo các phòng chức năng; UBND xã, phường, thị trấn phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện quy định của nhà nước về cấp giấy phép xây dựng; quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh về việc kiểm tra điều kiện khởi công xây dựng công trình và quản lý, xây dựng công trình theo giấy phép xây dựng được cấp trên địa bàn quản lý.

- Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện công tác cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn gửi Sở Xây dựng tổng hợp, theo dõi theo quy định

c. UBND cấp xã

- Bố trí cán bộ tiếp nhận thông báo khởi công, xác nhận “đã tiếp nhận thông báo khởi công”; hướng dẫn các chủ đầu tư hoàn chỉnh thông báo khởi công khi chưa đủ điều kiện và lập hồ sơ trích ngang các công trình xây dựng trên địa bàn để theo dõi, quản lý.

- Tổ chức phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thực hiện quy định của Nhà nước về quản lý và cấp giấy phép

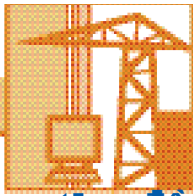
xây dựng; niêm yết công khai điều kiện, trình tự và các thủ tục cấp giấy phép xây dựng tại trụ sở cơ quan, đồng thời thường xuyên phổ biến nội dung Quyết định này và các quy định của pháp luật liên quan đến công tác cấp giấy phép xây dựng trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Thực hiện các biện pháp cần thiết khi nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền xử

lý vi phạm đối với công trình xây dựng sai quy hoạch, xây dựng không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép xây dựng được cấp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Xem toàn văn tại
(www.tuyenquang.gov.vn)**



Nghiệm thu đề tài do Viện Kinh tế xây dựng thực hiện

Ngày 27/4/2020, tại Hà Nội, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình dân dụng (công trình trụ sở làm việc, công trình thương mại) được đầu tư xây dựng theo tiêu chí công trình xanh” (Nhiệm vụ).

Đề tài do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Kinh tế xây dựng thực hiện. Phó Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường Nguyễn Công Thịnh - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Trình bày Báo cáo thuyết minh tóm tắt Nhiệm vụ trước Hội đồng, ThS. Nguyễn Ngọc Thanh - Chủ trì Nhiệm vụ cho biết, trong những năm gần đây, số lượng công trình được chứng nhận công trình xanh ở Việt Nam đã tăng lên đáng kể, nhưng số lượng và quy mô xây dựng hiện vẫn còn ở mức khiêm tốn, chưa xứng đáng với kỳ vọng của nhà quản lý. Một trong những nguyên nhân là do chủ đầu tư thiếu các nguồn thông tin tin cậy về hạn mức chi phí đầu tư, các lo ngại về tìm kiếm nguồn vật tư, thiết bị xây dựng đáp ứng tiêu chí xanh.

Vì vậy, việc nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình dân dụng (công trình trụ sở làm việc, công trình thương mại) được đầu tư xây dựng theo tiêu chí công trình xanh sẽ cung cấp thông tin có cơ sở khoa học về suất vốn đầu tư xây dựng công trình, đồng thời là công cụ quản lý chi phí để các nhà đầu tư kiểm soát và ra quyết định đầu tư xây dựng các công trình xanh, góp phần thúc đẩy công cuộc phát triển ngành xây dựng xanh trong tương lai.

Báo cáo tổng kết Nhiệm vụ gồm các phần: Mở đầu; Chương 1: Cơ sở lý luận về suất vốn đầu tư xây dựng công trình và công trình xanh; Chương 2: Thực trạng chi phí đầu tư xây dựng công trình xanh đối với công trình trụ sở làm việc, trung tâm thương mại thời gian qua; Chương 3: Xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình theo tiêu chuẩn LOTUS đối với trụ sở công trình làm việc, trung tâm thương mại. Ngoài ra, Báo cáo



Chủ tịch Hội đồng Nguyễn Công Thịnh phát biểu kết luận cuộc họp

tổng kết còn có 4 phụ lục kèm theo. Nội dung Báo cáo tổng kết trình bày các khái niệm, các ý kiến so sánh, đánh giá, phân tích và lựa chọn của LEED, LOTUS, EGDE và quyết định phạm vi nghiên cứu đối tượng công trình theo hệ thống LOTUS, một hệ thống công cụ được tạo lập bởi Hội đồng công trình xanh Việt Nam. Trong đó, tập trung vào 3 yếu tố: Năng lượng, nước và vật liệu xây dựng.

Thực hiện Nhiệm vụ, nhóm nghiên cứu áp dụng phương pháp xác định suất vốn đầu tư dựa trên mô hình tính toán. Mô hình được thiết lập giả định dựa trên mô hình cơ sở đã có thống kê dữ liệu chi phí và được phân loại theo tính chất, quy mô. Áp dụng các tiêu chí về tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả thiết bị, vật liệu xây dựng để điều chỉnh chi phí đầu tư. Từ đó xây dựng các suất vốn đầu tư công trình phù hợp với từng mức độ đánh giá theo hệ thống đánh giá của LOTUS.

Để tiếp tục hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu suất vốn đầu tư về các công trình xây dựng theo tiêu chí công trình xanh và góp phần thúc đẩy việc đầu tư xây dựng công trình xanh tại Việt Nam, nhóm nghiên cứu kiến nghị tiếp tục nghiên cứu xây dựng tiêu chí suất vốn đầu tư cho các loại hình công trình khác được đầu tư xây dựng theo các tiêu chí công trình xanh khác nhau cũng như nghiên cứu, đánh giá hiệu quả đầu tư các công trình xây dựng theo tiêu chí công trình xanh.

Nhằm nâng cao chất lượng Báo cáo thuyết minh tổng kết Nhiệm vụ, Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng có những nhận xét, góp ý giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa Báo cáo. Hầu hết các chuyên gia, thành viên Hội đồng đều đánh giá cao sự nỗ lực của nhóm nghiên cứu thuộc Viện Kinh tế xây dựng trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ, các sản phẩm đảm bảo chất lượng.

KS. Nguyễn Công Linh - Tổng công ty Tư vấn xây dựng Việt Nam (VNCC), chuyên gia phản biện cho biết, nhóm nghiên cứu đã lựa chọn phương pháp nghiên cứu dựa trên mô hình cơ sở, áp dụng tùy biến đầu vào để đưa ra mô hình đề xuất, đây là phương pháp được đánh giá phù hợp trong trường hợp này, giúp dữ liệu thu thập trong mô hình đề xuất vừa có tính tổng hợp vừa có tính chi tiết đồng thời rút ngắn đáng kể thời gian và công sức của nhóm nghiên cứu trong việc thống kê, tổng hợp, xử lý dữ liệu.

Kết quả nghiên cứu đã thể hiện được suất vốn đầu tư của công trình trung tâm thương mại và văn phòng làm việc theo nhiều cấp độ, tương ứng với các thang điểm đánh giá đạt Bạc, Vàng, Bạch kim của hệ thống đánh giá chất lượng LOTUS. Thêm vào đó, kết quả nghiên cứu cũng đưa ra các công cụ điều chỉnh suất vốn đầu tư với những công trình có sự khác biệt về diện tích sàn, chiều cao tầng so với công trình mẫu. Suất vốn đầu tư xây dựng công trình theo tiêu chí xanh, dù đang cao hơn mô hình cơ sở từ 3% - 16% tùy từng cấp độ đánh giá. Tuy nhiên, trong tương lai gần, với sự phát triển của khoa học kỹ thuật, cùng với nỗ lực của các nhà sản xuất trong cải tiến sản phẩm hàng hóa thì các vật liệu, thiết bị có chỉ số hiệu năng cao sẽ trở nên thông dụng hơn. Điều này sẽ đưa giá trị các mặt hàng xuống thấp hơn và dần tiếp cận để thay thế các vật liệu thông thường không có yếu tố xanh.

Bên cạnh những ưu điểm, KS. Nguyễn Công Linh cũng chỉ ra một số điểm hạn chế và đề nghị nhóm nghiên cứu lưu ý chỉnh sửa, đó là phần trích

dẫn tài liệu tham khảo chưa có thông tin tham chiếu các thông tư hướng dẫn Nghị định 68/2019/NĐ-CP, do vậy cơ cấu chi phí trong suất đầu tư xây dựng công trình cần được xem xét cập nhật; suất vốn đầu tư theo mô hình cơ sở cần tham chiếu thêm chỉ tiêu suất vốn đầu tư các công trình đã được Bộ Xây dựng ban hành theo Quyết định 16/2019/QĐ-BXD và Quyết định 44/2020/QĐ-BXD, trong khi đề tài đang ghi chú tham khảo quyết định 706/2017/QĐ-BXD. Ngoài ra, trong bảng kết quả tính toán suất vốn đầu tư theo Phụ lục 1 cần bổ sung ghi chú các số liệu suất vốn đầu tư này đã bao gồm hay chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng.

Phát biểu kết luận cuộc họp, Phó Vụ trưởng Nguyễn Công Thịnh - Chủ tịch Hội đồng nhấn mạnh sự cần thiết phải nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình dân dụng (công trình trụ sở làm việc, công trình thương mại) được đầu tư xây dựng theo tiêu chí công trình xanh, đồng thời đề cao sự nghiêm túc của nhóm nghiên cứu thuộc Viện Kinh tế xây dựng trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ.

Phó Vụ trưởng Nguyễn Công Thịnh đánh giá, Báo cáo tổng kết Nhiệm vụ có chất lượng tốt, logic, dễ hiểu, song nhóm nghiên cứu cần xem xét biên tập, đảm bảo bố cục chặt chẽ hơn, chú ý cập nhật những thông tin, số liệu mới nhất để Báo cáo thuyết phục hơn nữa và tiếp thu đầy đủ những ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng, sớm hoàn chỉnh Báo cáo tổng kết, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng Tư vấn Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu Nhiệm vụ “Nghiên cứu xây dựng chỉ tiêu suất vốn đầu tư xây dựng công trình dân dụng (công trình trụ sở làm việc, công trình thương mại) được đầu tư xây dựng theo tiêu chí công trình xanh”, với kết quả đạt loại Khá.

Trần Đình Hà

Nghiệm thu đề tài Nghiên cứu mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam

Ngày 28/4/2020, tại Hà Nội, Hội đồng KHCN Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam”.

Đề tài do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu quy hoạch và thiết kế đô thị nông thôn (thuộc Hội Quy hoạch phát triển đô thị Việt Nam) thực hiện. Vụ trưởng Vụ Quy hoạch kiến trúc Trần Thu Hằng - Chủ tịch Hội đồng, chủ trì cuộc họp.

Tại cuộc họp, KTS. Nguyễn Hoàng Minh - Chủ nhiệm đề tài cho biết, hiện nay các đô thị lớn của Việt Nam đang trải qua thời kỳ đô thị hóa nhanh chóng nhưng thiếu tính bền vững, chưa quan tâm đúng mức đến nâng cao chất lượng đô thị và môi trường sống. Sự phát triển đô thị chưa đồng hành với việc cung cấp và tạo dựng các hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường đô thị bền vững với tầm nhìn phát triển lâu dài. Do vậy, nghiên cứu mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam là việc làm cần thiết, có tác động tích cực đến công tác lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ở Việt Nam. Đặc biệt là tại các đô thị lớn trong hoạch định chính sách phát triển, công tác đầu tư xây dựng mới và cải tạo đô thị.

Mục tiêu tổng quát của đề tài nhằm góp phần kiểm soát phát triển đô thị theo hướng phát triển bền vững đối với các khu đô thị mới, khu vực cải tạo, tái thiết đô thị trong khu vực nội đô (các thành phố lớn) dựa trên kiểm soát mật độ dân cư theo các đơn vị đô thị; nghiên cứu mô hình đơn vị ở trong bối cảnh phát triển, cải tạo, tái thiết các khu vực này dựa trên phân tích các mô hình đơn vị đô thị với các ngưỡng kiểm soát phân bố mật độ dân cư gắn với hình thái đô thị.

Mục tiêu cụ thể của đề tài là đánh giá tổng quan xu thế phát triển đô thị gắn với kịch bản



Toàn cảnh cuộc họp

tương lai phát triển khu vực nội đô các thành phố lớn ở Việt Nam theo quy hoạch; phân vùng, phân tích, đánh giá thực trạng phân bố mật độ dân cư và nhận diện hình thái đô thị theo các phân vùng tại khu vực nội đô 3 thành phố ở Việt Nam; đề xuất các mô hình đơn vị ở đô thị với ngưỡng phân bố mật độ dân cư gắn với hình thái đô thị trong lập quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch đối với các dự án đầu tư khu đô thị mới và khu cải tạo trong khu vực nội đô 3 thành phố lớn; đề xuất kiến nghị bổ sung khái niệm về các mô hình “Đơn vị ở đô thị” trong Luật Quy hoạch đô thị sửa đổi, nhằm cụ thể hóa khái niệm mới về mô hình đơn vị ở đặc thù trong các dự án cải tạo hoặc đầu tư xây dựng khu đô thị mới và dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị.

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là mô hình đơn vị ở đô thị gắn với kiểm soát phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị trong công tác lập quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch các khu vực đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu vực cải tạo đô thị trong nội đô các thành phố lớn ở Việt Nam, lấy địa bàn nghiên cứu là 3 thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh.

Sản phẩm của đề tài bao gồm: Báo cáo thực trạng phân bố dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam; Báo cáo đề xuất mô hình

phân bố dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam; Báo cáo tóm tắt và Báo cáo tổng kết đề tài; Kỷ yếu hội thảo, tài liệu thu thập, điều tra khảo sát; Đĩa CD lưu giữ toàn bộ các file kết quả đề tài. Báo cáo tổng kết đề tài bao gồm: Tổng quan mô hình phân bố dân cư - Hình thái đô thị khu vực nội thị tại các đô thị lớn; Cơ sở khoa học xây dựng mô hình phân bố dân cư - Hình thái đô thị khu vực nội đô các đô thị lớn; Đề xuất các mô hình và giải pháp kiểm soát phân bố mật độ dân cư gắn với hình thái đô thị; Kết luận và kiến nghị.

Theo KTS. Nguyễn Hoàng Minh, đề tài sau khi được nghiệm thu và ứng dụng trong thực tiễn sẽ có tác động tích cực trong công tác lập quy hoạch và quản lý phát triển đô thị ở Việt Nam, đặc biệt là các đô thị lớn trong hoạch định chính sách phát triển, đầu tư xây dựng mới và cải tạo, chỉnh trang đô thị.

Ghi nhận nỗ lực của nhóm nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu quy hoạch và thiết kế đô thị nông thôn trong quá trình thực hiện đề tài, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng KH-CN Bộ Xây dựng có những nhận xét, góp ý giúp nhóm nghiên cứu tiếp thu và chỉnh sửa, đảm bảo Báo cáo ngắn gọn, súc tích, dễ hiểu hơn.

Kết luận cuộc họp, Vụ trưởng Trần Thu

Hàng - Chủ tịch Hội đồng nhấn mạnh sự cần thiết phải thực hiện đề tài và cho biết, nhóm nghiên cứu đã dành nhiều thời gian, công sức thu thập tài liệu và phân tích dữ liệu, tổ chức các hội thảo tổng hợp ý kiến chuyên gia và tiến hành khảo sát thực tế để có cơ sở thực tiễn thực hiện đề tài.

Vụ trưởng Trần Thu Hàng đánh giá, số lượng sản phẩm đề tài đầy đủ theo Hợp đồng đã ký, nội dung Báo cáo tổng kết phong phú, có ý nghĩa khoa học và thực tiễn. Tuy nhiên, nhóm nghiên cứu cần xem xét đề xuất các nội dung phục vụ trực tiếp công tác quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng trong lĩnh vực quy hoạch phát triển đô thị, đồng thời tiếp thu đầy đủ ý kiến đóng góp của các chuyên gia phản biện, thành viên Hội đồng, sử dụng đồng nhất các thuật ngữ khoa học, rà soát, biên tập, hoàn thiện Báo cáo tổng kết, trình lãnh đạo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

Hội đồng KH-CN Bộ Xây dựng nhất trí bỏ phiếu nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu mô hình phân bố mật độ dân cư và hình thái đô thị tại các đô thị lớn ở Việt Nam”, do Viện Nghiên cứu quy hoạch và thiết kế đô thị nông thôn thực hiện.

Trần Đình Hà

Nghiên cứu sử dụng cát nghiên từ phế thải xây dựng thay thế cát tự nhiên trong bê tông và vữa xây dựng

Cát tự nhiên ngày một khan hiếm là một vấn đề rất đáng được quan tâm hiện nay ở Việt Nam. Theo Bộ Tài nguyên và Môi trường, nước ta còn khoảng 2,3 tỷ m³ cát, đáp ứng 60 - 65% nhu cầu của các thành phố lớn. Nhưng trong năm 2016, nhu cầu cát xây dựng đã lên tới 140 triệu m³, dự báo lên mức 197 triệu m³ vào năm 2020. Với tốc độ tiêu thụ như vậy thì nguồn tài nguyên cát sẽ cạn kiệt sau khoảng một thập kỷ nữa.

Các chuyên gia của Hiệp hội Vật liệu xây dựng Việt Nam cho biết, cảnh báo cạn kiệt nguồn tài nguyên cát đã được đưa ra từ lâu,

nhưng rất ít cơ quan chức năng quan tâm. Khoảng 10 năm trở lại đây, tốc độ xây dựng tăng mạnh. Lượng cát tự nhiên bị khai thác quá độ. Cát bị lấy đi nhưng không có nguồn bù đắp do các đập thủy điện lớn, nhỏ chặn hết các sông, suối. Đây là tình trạng chung của các tỉnh miền Bắc và miền Trung, còn miền Nam nguồn cát được cung cấp chủ yếu từ phía Campuchia, nhưng nay nước bạn hạn chế xuất khẩu nên thiếu cát. Từ việc thiếu cát dẫn đến hệ lụy giá cát tăng quá cao khiến cho nhiều nhà thầu xây dựng lâm vào cảnh thi công cầm chừng vì chi

phí bị đội lên. Sau khi các địa phương siết chặt quản lý việc khai thác cát, nguồn cung vật liệu này trở nên khan hiếm. Việc khai thác cát trái phép không còn là vấn đề đáng ngạc nhiên, và việc kiểm soát “cát tặc” và giá cát không còn là điều dễ dàng.

Trong khi đó, phế thải xây dựng (PTXD) chiếm 20-25% lượng chất thải rắn (CTR) phát sinh tại Việt Nam. Theo “Báo cáo môi trường quốc gia 2011”, trên phạm vi toàn quốc, CTR phát sinh ngày càng tăng với tốc độ gia tăng khoảng 10% mỗi năm và còn tiếp tục gia tăng mạnh trong thời gian tới. CTR được hiểu là chất thải ở thể rắn, được thải ra từ quá trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc các hoạt động khác. Dự báo tổng đến năm 2022, lượng CTR thải ra khoảng gần 22 triệu tấn/năm. Để quản lý tốt nguồn chất thải khổng lồ này, đòi hỏi các cơ quan hữu quan cần đặc biệt quan tâm hơn nữa đến việc tăng cường tái chế, tái sử dụng CTR, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường do CTR gây ra. Những nguy hại từ CTR là vô cùng nghiêm trọng như: chiếm dụng đất đai và giảm chất lượng thổ nhưỡng, ảnh hưởng tới chất lượng không khí, ô nhiễm môi trường nước, làm xấu cảnh quan và tàn phá môi trường đô thị.

Phế thải xây dựng (PTXD) là vật liệu được phát sinh trong quá trình phá dỡ toàn bộ hoặc một bộ phận công trình xây dựng. Đây có thể là các công trình xây dựng đã được sử dụng trong một khoảng thời gian dài, chất lượng đã xuống cấp nghiêm trọng và không còn đảm bảo an toàn, hoặc các công trình không còn phù hợp với yêu cầu sử dụng hiện tại (như: mở rộng quy mô sản xuất, giải phóng mặt bằng theo quy hoạch sử dụng đất của nhà nước...). Ở các nước phát triển, PTXD chiếm một tỷ lệ tương đối lớn trong chất thải rắn (CTR) và tỷ lệ tái chế PTXD ở mức cao, đặc biệt là ở các nước châu Âu và Nhật Bản. Tại Hà Lan và Đan Mạch, tỷ lệ tái chế PTXD lên đến 75-80%. Tại một số quốc gia châu Âu như Pháp, Đức đã có chương trình

nghiên cứu quốc gia quy mô lớn về tái sử dụng PTXD nói chung và bê tông phế thải (BTPT) nói riêng. Ở Việt Nam hiện nay, Chính phủ đã ban hành định hướng chiến lược phát triển bền vững (Chương trình nghị sự 21 của Việt Nam) và phê duyệt chương trình đầu tư xử lý CTR giai đoạn 2011 - 2020, nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững và xử lý có hiệu quả nguồn CTR nói chung và PTXD nói riêng.

Việc xử lý và tái chế CTR đã được nghiên cứu và áp dụng trong thực tế trong vài thập kỷ trở lại đây ở một số nước trên thế giới như Pháp, Đức, Mỹ, Thụy Điển, Nhật Bản... Các nghiên cứu gần đây đã chứng minh rằng cát nghiền từ PTXD có khả năng sử dụng làm cốt liệu cho bê tông, vữa xây dựng mà vẫn đảm bảo được các yêu cầu kỹ thuật. Điều đó đem lại lợi ích to lớn về các mặt kinh tế, kỹ thuật và môi trường.

Lợi ích kỹ thuật: PTXD có thể được tái sử dụng vào các mục đích xây dựng khác nhau mà vẫn đảm bảo các yêu cầu thiết kế của công trình. Tùy thuộc vào nguồn gốc, thành phần và chất lượng của PTXD mà PTXD được tái chế và sử dụng ở các dạng khác nhau: Đối với hỗn hợp PTXD: gạch xây tường ngăn, vữa xây, gạch ốp lát,... thì có thể tái sử dụng làm lớp đường móng đường giao thông. Đối với PTXD chất lượng tốt bê tông xi măng từ phế thải thì có thể tái chế làm các loại cốt liệu sử dụng cho kết cấu móng trên hay mặt đường, sản xuất vữa và bê tông. Phần hạt mịn còn có thể tận dụng làm nguyên liệu cho quá trình sản xuất clinker măng hoặc nghiền thành bột để gia cố đất nền công trình.

Lợi ích môi trường: Việc tái sử dụng PTXD sẽ tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và giảm thiểu tác động đến môi trường sinh thái. PTXD được sử dụng sẽ giúp tiết kiệm diện tích bãi chôn. Hơn nữa, việc tái sử dụng vật liệu tại chỗ của các công trình phá dỡ sẽ làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường và các tác động đến cơ sở hạ tầng giao thông do hạn chế được quá trình vận chuyển PTXD và vật liệu.

Lợi ích kinh tế: Tái chế PTXD giúp giảm thiểu

chi phí vận chuyển và phí xử lý PTXD tại các bãi chứa, đồng thời có thể làm giảm đáng kể chi phí vật liệu cho xây dựng công trình.

Bê tông xi măng sử dụng cốt liệu nghiền từ PTXD, gọi tắt là bê tông tái chế (BTTC), đã được nghiên cứu và đưa vào sử dụng ở nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là tại châu Âu trong đó có Cộng hòa Pháp. Dự án quốc gia về bê tông tái chế của Pháp (Projet National RECY-BETON-RECYclage complet des BETONS) giai đoạn 2011-2016 đã đưa ra nhiều kết quả nghiên cứu về bê tông sử dụng cốt liệu nghiền từ PTXD, bao gồm quy trình sản xuất cốt liệu từ PTXD, các đặc tính của cốt liệu nghiền từ PTXD, các tính chất cơ-lý và độ bền của bê tông sử dụng cốt liệu nghiền từ PTXD. Các nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng có thể chế tạo được bê tông chất lượng cao sử dụng cốt liệu nghiền từ PTXD với chi phí hợp lý để sử dụng cho nhiều lĩnh vực khác nhau trong ngành xây dựng. Bên cạnh đó, các tập đoàn Xây dựng lớn tại châu Âu như: tập đoàn Lafarge, tập đoàn điện lực Pháp EDF, tập đoàn Bouyues Construction đã phát triển nhiều quy trình công nghệ để xử lý và nghiền PTXD. Các sản phẩm bê tông sử dụng cốt liệu nghiền từ PTXD đã được thương mại hoá và có vị trí quan trọng trong thị trường sản xuất vật liệu xây dựng từ nhiều năm nay.

Các nghiên cứu của trung tâm nghiên cứu quốc gia IFFSTAR (Pháp) gần đây chỉ ra rằng có thể chế tạo bê tông cường độ cao lên đến 70 MPa sử dụng 100% cốt liệu nghiền từ PTXD để ứng dụng cho các công trình xây dựng, trong đó có mặt đường sân bay. Các công trình nghiên cứu của Hansen, Hendrick (1992), Lauritzen, Cyr (2004), Djerbi (2010), Dao (2012), Jorge (2013) đã nghiên cứu các đặc tính của cốt liệu nghiền từ PTXD như lượng vữa dính bám, độ hút nước, độ rỗng, khối lượng thể tích của cốt liệu; nghiên cứu về ảnh hưởng của nguồn vật liệu PTXD, hàm lượng thay thế cốt liệu nghiền từ PTXD đến các đặc tính cơ học và độ bền của bê tông. Các

nghiên cứu này cho thấy có thể chế tạo bê tông sử dụng cốt liệu nghiền từ PTXD với các yêu cầu về chất lượng khác nhau để ứng dụng trong các kết cấu chịu lực.

Tái chế PTXD làm cốt liệu cho bê tông:

Công nghệ sản xuất cốt liệu tái chế (CLTC) từ PTXD có một số điểm khác biệt với công nghệ sản xuất cốt liệu nghiền từ đá thiên nhiên. Dây chuyền sản xuất gồm các các thiết bị loại bỏ tạp chất, các loại máy nghiền, máy sàng và thiết bị vận chuyển. Nguyên tắc cơ bản là dùng các thiết bị chuyên dụng để loại bỏ tạp chất như máy kẹp, máy cắt, nam châm điện để loại bỏ vật liệu kim loại trong PTXD. Sau đó sử dụng các loại máy nghiền để nghiền nhiều cấp độ các mảnh vỡ PTXD, từ đó phân loại ra các dải hạt có kích thước theo yêu cầu. Hiện nay có nhiều quy trình công nghệ tái chế PTXD làm CLTC với các cấp độ khác nhau như sau:

Công nghệ tái chế cấp độ thứ nhất: Bao gồm máy nghiền di động gắn liền các bộ phận nghiền, sàng và phân loại. Công nghệ này khá đơn giản, chỉ có một máy nghiền, thường là máy nghiền kẹp hàm để đập nhỏ kích thước của các mảnh PTXD lớn. Dây chuyền này cũng có thể sử dụng thêm hệ thống sàng phân loại để tách các cỡ hạt sau khi nghiền nhỏ. Nhược điểm cơ bản của dây chuyền này là thiếu bộ phận loại bỏ tạp chất, do đó chỉ sử dụng tái chế các loại PTXD có thành phần ổn định, ít lẫn tạp chất. Dây chuyền tái chế này thường sử dụng trong các dự án phá dỡ công trình ở các nước đang phát triển.

Công nghệ tái chế cấp độ thứ hai: Bao gồm thiết bị của dây chuyền công nghệ mức độ thứ nhất nhưng có thêm thiết bị loại bỏ tạp chất như tách kim loại bằng từ tính và hệ thống sàng phân loại ra nhiều cỡ hạt khác nhau. Trong dây chuyền có thể có một hoặc nhiều máy nghiền cho phép nghiền bê tông phế thải (BTPT) thành nhiều dải kích thước hạt khác nhau. Phần lớn các mảnh vỡ PTXD từ các công trường phá dỡ được đập đến kích thước nhỏ hơn 0,7m để làm

nguyên liệu đầu vào cho máy nghiền sơ cấp. Các máy nghiền sơ cấp thường là các máy nghiền kẹp hàm hoặc máy nghiền búa. Sản phẩm thu được từ máy nghiền sơ cấp tiếp tục được nghiền qua máy nghiền thứ cấp để giảm kích thước. Toàn bộ vật liệu sau đó được rửa sạch hoặc sàng khô để tiếp tục loại bỏ tạp chất. Sau đó cốt liệu được sàng, phân loại theo các kích thước hạt khác nhau, đáp ứng theo yêu cầu của khách hàng.

Sử dụng cốt liệu nghiền từ bê tông phế thải (BTPT) trong chế tạo bê tông xi măng:

Trong khoảng 20 năm trở lại đây, việc nghiên cứu các đặc tính của CLTC cũng như ảnh hưởng của việc sử dụng CLTC thay thế cốt liệu tự nhiên (CLTN) đến các đặc tính của bê tông đã được nghiên cứu tại nhiều nước trên thế giới. Các nghiên cứu đã chỉ ra rằng CLTC có những đặc điểm cơ-lý-hoá khác với CLTN và cần được đánh giá kỹ lưỡng trước khi sử dụng để chế tạo bê tông. Các yếu tố chính ảnh hưởng đến đặc tính của cốt liệu như: nguồn gốc, cường độ, thành phần của bê tông gốc, công nghệ nghiền, sàng cốt liệu, loại và hàm lượng các tạp chất có trong CLTC.... Các yếu tố này ảnh hưởng rất lớn đến độ rỗng, độ hút nước, thành phần hạt, đặc tính hình dạng và bề mặt hạt, cường độ, mô đun đàn hồi, thành phần khoáng vật và hóa học của CLTC. CLTC có các đặc tính cơ-lý-hoá khác so với CLTN do bề mặt CLTC có thành phần vữa/đá xi măng dính bám. Đây là nguyên nhân chính làm giảm chất lượng của CLTC so với CLTN.

Các đặc tính của thành phần cốt liệu của CLTC: CLTC có thành phần tương tự như BTPT, bao gồm 2 thành phần chính là CLTN và vữa/đá xi măng dính bám trên bề mặt cốt liệu. Ngoài ra CLTC còn có thể chứa một số tạp chất như gạch, thạch cao, thép, kính, vật liệu hữu cơ... Thành phần vữa/đá xi măng dính bám thường có cấu trúc rỗng, xốp, kém đồng nhất và chứa nhiều khuyết tật. Bởi vậy, hàm lượng vữa dính bám trên CLTC sẽ ảnh hưởng lớn đến

lượng nước nhào trộn, tính công tác và tổn thất tính công tác, khối lượng thể tích, cường độ, mô đun đàn hồi, tính thấm và độ bền của bê tông sử dụng CLTC.

Thành phần hóa học và khoáng vật của CLTC: CLTC có thành phần hoá học gồm ba thành phần oxit chính là CaO , SiO_2 và Al_2O_3 . Trong đó, hàm lượng CaO và Al_2O_3 thường cao hơn còn hàm lượng SiO_2 lại thấp hơn so với CLTN. Thành phần khoáng vật của CLTC tương đối khác so với CLTN do ngoài các thành phần khoáng của đá thiên nhiên còn có thêm các thành phần khoáng vật khác của xi măng đã thủy hóa (như các khoáng C-S-H, $\text{Ca}(\text{OH})_2$, clinke xi măng chưa thủy hóa).

Hình dạng bề mặt của CLTC: CLTC thường có bề mặt nhám ráp, góc cạnh và rỗng xốp hơn so với cốt liệu tự nhiên (CLTN). Bề mặt hạt CLTC thường có nhiều vết nứt làm tăng hàm lượng nước hấp thụ, nhưng có thể làm tăng khả năng liên kết giữa đá xi măng và bề mặt hạt cốt liệu. Tuy nhiên bề mặt thô ráp, góc cạnh của CLTC có thể làm tăng nội ma sát và giảm tính công tác của hỗn hợp bê tông sử dụng CLTC.

Độ rỗng của CLTC: Độ rỗng của các loại CLTC lớn hơn so với CLTN chủ yếu do hàm lượng vữa xi măng dính bám vào hạt CLTC. Kích thước lỗ rỗng trong CLTC cũng phụ thuộc vào bê tông gốc. Lỗ rỗng trong CLTC có nhiều kích thước khác nhau, từ các lỗ rỗng lớn có thể dễ dàng nhìn thấy bằng mắt thường hoặc kính lúp, đến các lỗ rỗng nhỏ như lỗ rỗng gel trong đá xi măng. Một số lỗ rỗng trong hạt cốt liệu là kín, còn đa số là lỗ rỗng hở và nằm trên bề mặt hạt cốt liệu. Cấu trúc rỗng xốp của hạt CLTC sẽ dẫn đến khả năng hút nước mạnh trong quá trình trộn hỗn hợp bê tông, đây là nguyên nhân làm tăng tốc độ tổn thất độ sụt của hỗn hợp bê tông sử dụng CLTC. Tuy nhiên sau một thời gian rắn chắc, khi mà phần đá xi măng đã hút nước để thủy hóa thì một phần nước trong cốt liệu tái chế có thể sẽ nhả ra và thực hiện quá trình nội bảo dưỡng, dẫn đến cấu trúc vùng

chuyển tiếp (ITZ) được cải thiện và tăng cường độ của bê tông. Ngoài ra, đối với các lỗ rỗng kích thước lớn và hở trên bề mặt CLTC, hồ xi măng có thể dễ dàng xâm nhập vào, qua đó sẽ làm tăng khả năng liên kết giữa bề mặt hạt CLTC và đá xi măng.

Tính hút nước của CLTC: CLTC có độ hút nước lớn hơn nhiều lần so với CLTN. Độ hút nước của CLTC từ BTPT thường từ 3-12%, còn CLTC từ hỗn hợp PTXD có thể lên tới 25%. Trong khi đó của độ hút nước của CLTN chỉ là khoảng 0,3-1,5%. Độ hút nước của các loại CLTC khác xa so với CLTN do luôn tồn tại một hàm lượng nhất định của đá xi măng và vữa dính bám trên bề mặt hạt cốt liệu cũng như hàm lượng các thành phần vật liệu khác có khả năng hút nước cao (như mảnh vỡ gạch xây và gạch ốp lát). Khả năng hút nước của CLTC phụ thuộc rất lớn vào hàm lượng vữa dính bám. Khả năng hút nước của CLTC còn phụ thuộc vào nguồn gốc BTPT và kích thước hạt CLTC. Khi cường độ của bê tông gốc càng cao thì độ hút nước càng nhỏ. Khả năng hút nước của cốt liệu nhỏ tái chế (CLNTC) cũng lớn hơn của cốt liệu lớn tái chế (CLLTC) do hàm lượng vữa dính bám vào hạt cốt liệu cao hơn.

Cường độ của CLTC: Cường độ của CLTC phụ thuộc rất lớn vào cường độ của đá tự nhiên đã dùng làm cốt liệu, cường độ của bê tông gốc và hàm lượng vữa dính bám. Ngoài ra, trong quá trình gia công nghiền đập, tái chế các mảnh vỡ BTPT có thể làm xuất hiện các vi vết nứt trên bề mặt và trong hạt CLTC, điều này sẽ làm giảm cường độ của CLTC.

Khối lượng riêng, khối lượng thể tích: Khối lượng riêng của CLTC dao động từ 2.23 đến 2.6 tương ứng với cốt liệu nhỏ và cốt liệu lớn. Việc sử dụng vật liệu CLNTC (dưới 4,75mm) không được khuyến khích trong bê tông kết cấu vì nhu cầu nước tăng lên và dẫn đến nhiều ảnh hưởng tiêu cực. Thông thường, 30% đến 60% khối lượng của vữa cũ sẽ dính chặt vào các hạt CLTC tùy thuộc vào kích thước hạt và tính chất

của cốt liệu gốc. Do vữa dính bám, khối lượng riêng của CLTC sẽ thấp hơn so với CLTN.

Sử dụng cát nghiền từ PTXD trong chế tạo bê tông tái chế (BTTC)

Trên thế giới đã có nhiều nước ứng dụng bê tông sử dụng cát nghiền từ PTXD và đã có nhiều nghiên cứu về các tính chất của loại vật liệu này. Nhiều nghiên cứu trên thế giới chỉ ra rằng các đặc tính cơ-lý và độ bền của bê tông thay đổi đáng kể khi sử dụng các loại và hàm lượng CLTC khác nhau. Dưới đây là các đặc tính của bê tông sử dụng cát nghiền từ PTXD được các nhà khoa học trên thế giới nghiên cứu.

Khối lượng thể tích và khối lượng riêng: Khối lượng thể tích của bê tông tươi làm từ CLTN khoảng 2400kg/m³, trong khi đó bê tông được làm từ CLTC nhẹ hơn khá nhiều, chỉ khoảng 2150 kg/m³, bất kể loại xi măng hay tuổi thọ. Đây là do khối lượng thể tích của CLTC thấp hơn so với CLTN (2,60; 2,30; 2,20 đối với CLTC hạt thô, trung bình và mịn, so với 2,63-2,74 đối với các CLTN). Ngoài ra, lượng không khí tăng lên dẫn đến giảm thêm thể tích của bê tông tươi. Khối lượng riêng của bê tông CLTC bằng 100% tổng khối lượng thô nói chung sẽ thấp hơn 5% đến 10% so với bê tông CLTN tương ứng do vữa dính trên cốt liệu thô đã tái chế.

Tính công tác: BTTC làm từ bê tông phế thải lại đòi hỏi một sự điều chỉnh xi măng nhỏ để bù đắp cho sự gia tăng nhu cầu về nước. Bê tông được làm từ BTPT, thường có kết cấu cứng, vữa dính bám làm nhu cầu về nước tăng cao. Việc tăng hàm lượng xi măng có thể là cần thiết đối với tỷ lệ thay thế CLTC cao hơn và để đạt tới cường độ cao hơn của bê tông CLTC. Việc điều chỉnh chất phụ gia sẽ giúp giảm thiểu lượng xi măng gia tăng. Các hỗn hợp có hàm lượng CLTC cao có thể trở nên thô, ít dính hơn và tăng bong chóc. Những vấn đề này có thể được giảm bằng cách sử dụng một SCM24 thích hợp. Các hỗn hợp bê tông với cả hai CLTC thô và mịn có thể rất khắc nghiệt và khó làm việc do bề mặt có góc cạnh và thô của CLTC. Thêm

nước là cần thiết để có được mức độ khả thi như nhau đối với cốt liệu thông thường, đặc biệt là khi sử dụng cả các CLTC thô và mịn. Việc tăng hàm lượng nước sẽ đòi hỏi sự gia tăng hàm lượng xi măng để sản xuất một hỗn hợp xi măng tương đương với các hỗn hợp được trộn với các cốt liệu thông thường. Kết quả là một thiết kế pha trộn tốn kém hơn.

Tính công tác có thể được cải thiện bằng cách giảm CLTC để sử dụng chất làm chậm tự nhiên, sử dụng các chất làm giảm nước, thêm tro bay hoặc kết hợp cả ba loại này. Sử dụng tro bay một mình có thể không cung cấp một hỗn hợp khả thi và giảm tỷ lệ phần trăm hoặc loại bỏ các khoản tiền tái chế có thể là cần thiết. Độ sụt thường được quan sát thấy đối với hỗn hợp chứa CLTC do đặc tính hút nước cao. Các giải pháp bao gồm tẩy uế trước hoặc làm ướt trước khi sử dụng. Cần tăng hàm lượng nước cho các hỗn hợp có chứa CLTC do độ hút nước cao của chất kết dính bám vào các cốt liệu. Độ hút nước biến đổi cao hơn và nhiều hơn cũng làm cho khó xác định hàm lượng nước dẫn đến sự thay đổi độ bền của bê tông cứng. Các thành phần không khí có độ biến đổi cao và biến đổi thường thấy trong bê tông tươi được làm bằng CLTC. Điều này là do độ xốp cao hơn của bản thân vật liệu tái chế và không khí bị cuốn vào. Do đó, hàm lượng không khí mục tiêu của hỗn hợp có chứa CLTC phải cao hơn để đạt được độ bền giống như hỗn hợp thông thường. Năm 2001, người ta phát hiện ra rằng các sản phẩm tái chế được sản xuất thương mại mịn và tròn hơn là CLTC được sản xuất cho phòng thí nghiệm. Kiểu hình dạng này làm tăng tính công tác của BTTC được sản xuất thương mại hơn so với BTTC được sản xuất trong phòng thí nghiệm. Do độ hút nước cao hơn của CLTC, hỗn hợp bê tông trở nên cứng hơn và ít khả thi hơn so với bê tông tự nhiên (BTTN). Một số nhà nghiên cứu đã cho thấy rằng BTTC cần dùng thêm 5-10% lượng nước để đạt được tính công tác giống như BTTN mặc dù nó chịu ảnh hưởng

đáng kể bởi chất lượng của CLTC.

Hàm lượng không khí trong bê tông: Hàm lượng không khí được tính bằng phương pháp khối lượng (ASTM C138). Kết quả cho thấy hàm lượng không khí bình thường đối với bê tông chuẩn, nhưng cao hơn (4-5,5%) đối với bê tông mới được làm bằng CLTC. Không khí trong vũng rỗng của cốt liệu được tính thông qua khối lượng riêng của cốt liệu; do đó, các giá trị ở trên là không khí ở trong các lỗ rỗng trong bê tông. Nguyên nhân của hàm lượng khí tăng lên không rõ ràng, cho thấy hàm lượng không khí của BTTC cao hơn BTTN. Điều này có nghĩa là BTTC có chứa lượng không khí bên trong cao hơn với BTTN. Các thành phần không khí có độ biến đổi cao và biến đổi thường thấy trong bê tông tươi được làm bằng CLTC. Điều này là do độ xốp cao hơn của bản thân vật liệu tái chế và không khí bị cuốn vào. Do đó, hàm lượng không khí mục tiêu của hỗn hợp có chứa CLTC phải cao hơn để đạt được độ bền giống như hỗn hợp thông thường.

Cường độ chịu nén của BTTC: BTTC nói chung có cường độ chịu nén thấp hơn bê tông cốt liệu tự nhiên khoảng 15-40%. Nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc giảm cường độ, bao gồm: Cường độ của bê tông gốc; Nguồn gốc của bê tông gốc; Nguồn tái sử dụng cốt liệu (chất thải phá hủy và bê tông còn sót lại); Lượng vữa dính vào CLTC; Tỷ lệ thay thế CLTC; Sử dụng cốt liệu nhỏ tái chế hay không.

Cường độ chịu kéo của BTTC: CLTC có ảnh hưởng đến cường độ chịu uốn, một số nghiên cứu cho thấy cường độ chịu uốn giảm đến 10%. Phần lớn các phát hiện cho thấy rằng BTTC được làm từ cốt liệu thô tái và cốt liệu nhỏ tự nhiên nói chung giảm 10% độ bền uốn. Bê tông làm từ cốt liệu thô tái chế đã giảm cường độ uốn giảm 10% và tối đa là 20% trong trường hợp xấu nhất.

Mô đun đàn hồi: Mô đun đàn hồi của bê tông được làm bằng CLTC thấp hơn 20 đến 40% so với bê tông thông thường ở cùng tỷ lệ

nước-xi măng. Sự giảm thiểu này thậm chí có thể còn lớn hơn khi sử dụng lại CLNTC. Sự giảm mô đun đàn hồi là do thực tế CLTC thường có mô đun đàn hồi thấp hơn các CLTN.

Co ngót và từ biến: Sự co ngót và từ biến của BTTC cao hơn bê tông truyền thống, cao hơn 25 và 35%. Tỷ lệ thay thế, kích cỡ và nguồn gốc bê tông gốc, quá trình nhào trộn, xử lý, phụ gia hóa học ảnh hưởng đến sự co ngót và từ biến của BTTC.

Tính thấm nước và độ hút nước: Bê tông được làm bằng CLTC có độ thấm cao hơn 10-45% so với BTTN. Chủ yếu là tính thấm thấu của BTTC phụ thuộc vào nguồn tổng hợp. Độ hút nước của cốt liệu BTTC cao hơn hỗn hợp nguyên chất. Trong giai đoạn cứng của bê tông, nước bốc hơi và gây ra độ xốp. Việc kéo dài thời gian bảo dưỡng có thể tạo ra lỗ chân lông tốt và do đó giúp giảm độ thấm của BTTC xuống 50%.

Độ bền của BTTC: Độ bền của BTTC có thể bị ảnh hưởng bởi một loạt các yếu tố như tỷ lệ thay thế CLTC, độ tuổi của bê tông, tỷ lệ N/X và độ ẩm. Nhìn chung, tỷ lệ N/X thấp có thể cải thiện độ bền của BTTC. BTTC kém bền hơn bê tông sử dụng CLTN do độ rỗng cao của CLTC. Tuy nhiên, khả năng chống thâm nhập của các tác nhân gây ăn mòn (như ăn mòn carbonat, ăn mòn clorua) có thể được bù đắp bởi việc sử dụng các chất kết dính phụ như tro bay, muối silic.

Khối lượng thể tích của BTTC: Khối lượng thể tích của bê tông sử dụng CLTC thường thấp hơn từ 5-7% so với bê tông sử dụng CLTN. Mức độ giảm khối lượng thể tích phụ thuộc chủ yếu vào loại và hàm lượng CLTC. Điều này là do hàm lượng vữa cũ và đá xi măng dính bám trên bề mặt CLTC có cấu trúc rỗng xốp và khối lượng thể tích nhỏ hơn so với CLTN.

Thiết kế thành phần bê tông sử dụng CLTC: Về nguyên tắc chung, việc thiết kế thành phần bê tông sử dụng CLTC là tương tự như bê tông sử dụng CLTN. CLTN có thể được thay thế bằng CLTC với một hàm lượng nhất định theo

khối lượng hoặc theo thể tích. Để đảm bảo cường độ bê tông thiết kế, lượng xi măng sử dụng trong BTTC sẽ cao hơn 5-15% lượng dùng xi măng tính toán của bê tông sử dụng CLTN. Mặt khác, lượng nước nhào trộn cũng yêu cầu cao hơn do phải xét đến lượng nước mà CLTC sẽ hút vào và nhằm đảm bảo tính công tác của hỗn hợp bê tông. Trong nhiều trường hợp cường độ nén của BTTC có thể tương đương bê tông thường khi sử dụng hàm lượng xi măng lớn hơn hoặc thay thế CLTC với một hàm lượng thích hợp.

Lượng nước nhào trộn và tính công tác của hỗn hợp bê tông: Do độ hút nước của CLTC cao hơn so với CLTN nên lượng nước nhào trộn cần nhiều hơn để đảm bảo độ sụt ban đầu của hỗn hợp bê tông. Hỗn hợp bê tông sử dụng CLLTC và cát tự nhiên sẽ cần thêm khoảng 5% nước so với bê tông thường để đạt tính công tác tương đương. Trong trường hợp sử dụng CLNTC thì lượng nước cần tăng thêm tới 15%-20%. Khi CLTC sử dụng ở trạng thái khô hoặc chưa bão hòa nước sẽ hút nước mạnh trong quá trình trộn và sau khi nhào trộn. Đây là nguyên nhân gây tăng tốc độ tổn thất độ sụt và tính công tác của hỗn hợp bê tông. Tóm lại, bê tông sử dụng CLTC đều có các tính chất cơ học và độ bền giảm so với bê tông sử dụng CLTN. Tuy nhiên các tính chất này có thể được cải thiện như nâng cao chất lượng CLTC, tối ưu thành phần bê tông, sử dụng các loại phụ gia khoáng (tro bay, tro trấu, silicafume)...

Việc nghiên cứu, ứng dụng bê tông xi măng sử dụng CLTC trong kết cấu chịu lực đã phổ biến tại nhiều nước trên thế giới, tuy nhiên vấn đề này vẫn còn rất mới mẻ ở Việt Nam trong bối cảnh hiện nay, CTR nói chung và BTPT nói riêng mới chỉ được sử dụng một phần rất nhỏ để làm vật liệu san lấp, làm nền cho các công trình xây dựng, số còn lại không được xử lý và đang gây sức ép lớn tới môi trường. Gần đây một số dự án nghiên cứu tái chế BTPT ở Việt Nam đã được thực hiện, tuy nhiên kết quả của các dự án này

chỉ dừng ở mức độ sản xuất bê tông cường độ thấp (15-20 MPa), sản xuất gạch block bê tông, gạch lát vỉa hè. Trên thực tế, hầu như chưa có nghiên cứu chế tạo bê tông cường độ cao sử dụng cốt liệu nghiền từ BTPT và do đó loại vật liệu này chưa được ứng dụng trong các kết cấu chịu tải trọng lớn.

Năm 2007, Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng đã thực hiện đề tài nghiên cứu sử dụng phế thải phá dỡ công trình làm bê tông và vữa xây dựng. Đề tài đã đưa ra được các hướng dẫn sử dụng CLTC từ kết cấu bê tông, bê tông cốt thép và từ kết cấu tường xây, gạch ốp lát để làm cốt liệu cho bê tông và vữa xây dựng. Kết quả thí nghiệm cho thấy, CLLTC từ hỗn hợp PTXD và từ bê tông có thể được sử dụng để sản xuất BTTC đạt đến mác 250 (tương đương cấp 20 Mpa). Tuy nhiên, đề tài này chưa đi sâu nghiên cứu các đặc tính khác biệt của CLTC so với CLTN, cũng như những nguyên nhân làm giảm các đặc tính cơ học của vữa, bê tông và gạch block khi sử dụng CLTC.

Năm 2011, Trường Đại học Xây dựng đã thực hiện đề tài nghiên cứu khảo sát khả năng sử dụng PTXD để sản xuất vật liệu xây dựng. Đề tài đã khẳng định khả năng tái chế PTXD làm cốt liệu đáp ứng các yêu cầu cơ bản làm cốt liệu cho bê tông và vữa. Bên cạnh đó đề tài cũng đã nghiên cứu khảo sát ảnh hưởng của

loại CLNTC từ kết cấu tường xây gạch và từ kết cấu bê tông đến cường độ nén và cường độ kéo uốn của các mẫu vữa xi măng sử dụng CLNTC.

Năm 2012, Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng đã thực hiện dự án “Hoàn thiện công nghệ tái chế phế thải phá dỡ công trình làm cốt liệu xây dựng”. Một dây chuyền tái chế thử nghiệm có công suất 40 tấn PTXD/giờ đã được lắp đặt tái Xí nghiệp gạch block, thuộc Công ty TNHH MTV Cơ điện và Xây dựng công trình. Sản phẩm CLTC đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật để làm cấp phối cho móng đường giao thông, hoặc làm cốt liệu cho sản xuất bê tông cường độ thấp (15-20 Mpa) và gạch block bê tông. Tuy nhiên, từ đó đến nay việc nghiên cứu phát triển các ứng dụng của sản phẩm sử dụng CLTC của dự án chưa được nhân rộng và thương mại hóa.

Liên quan đến CLTC, năm 2015, Bộ Xây dựng đã đề xuất dự án xây dựng tiêu chuẩn “Cốt liệu lớn tái chế cho bê tông”. Phạm vi áp dụng của tiêu chuẩn này là cốt liệu lớn được tái chế từ PTXD cho sản xuất bê tông. Đến năm 2018, tiêu chuẩn này đã được công bố (TCVN 11969:2018).

Ninh Hoàng Hạnh

(Nguồn: Viện Vật liệu xây dựng - Bộ Xây dựng)

Ứng dụng sợi thủy tinh để gia cố các cột bê tông cốt thép

Gia cố các cột bê tông cốt thép là một vấn đề kỹ thuật, mà mỗi vấn đề kỹ thuật đều có giải pháp cụ thể. Mỗi giải pháp đều có ưu điểm và nhược điểm, liên quan đến vật liệu sử dụng: Gia cố cột bằng các góc kim loại, gia cố cột bằng thép, gia cố cột bằng các yếu tố thép cứng, thép bê tông... Các phương pháp gia cố kết cấu bê tông cốt thép nêu trên đều có nhược điểm chung: số lượng yếu tố (phần tử) tăng đáng kể, và điều này chắc chắn dẫn đến giảm diện tích

bên trong và làm biến dạng thiết kế. Chưa kể các biện pháp còn yêu cầu số lượng lớn nhân công có trình độ, sử dụng các thiết bị nặng và đắt tiền. Ngoài ra, các yếu tố của kết cấu kim loại có độ dài nhất định, do đó, nhược điểm có thể xuất hiện tại một điểm bất kỳ trên yếu tố.

Công nghệ xây dựng hiện đại có phương án khác để gia cố các kết cấu bê tông cốt thép - sử dụng các polyme cốt sợi (Fiber Reinforced Polymer - FRP). Phương pháp này không có



Ảnh 1: Sợi thủy tinh được sử dụng trong bê tông ở 3 dạng - dạng sợi riêng biệt

nhược điểm của các biện pháp truyền thống, hơn nữa có một số ưu điểm rõ rệt.

Sử dụng FRP để gia cố các cột bê tông cốt thép bảo đảm hỗ trợ cột rất hiệu quả, mà không làm thay đổi kích cỡ, hình thức và trọng lượng của các yếu tố được gia cố. FRP là một trong những giải pháp hữu hiệu nhất để gia cố các đối tượng khảo cổ và lịch sử. Khả năng chống ăn mòn cao khiến ứng dụng FRP phù hợp với môi trường biển và khu vực duyên hải.

Sợi ở đây được sản xuất dưới dạng tấm xoắn thành cuộn dài. Điều này giúp tránh sự hình thành các khu vực kết nối. Lắp đặt đơn giản nên chi phí thấp, phù hợp để gia cố các cấu trúc đang có, bảo đảm tối thiểu hóa các tác động tiêu cực đến các cấu trúc này.

Ngoài ra, FRP có thể thay thế sắt một cách chất lượng. Một trong những ưu điểm cơ bản của FRP là vật liệu nhẹ, rẻ hơn sắt, dễ lắp đặt hơn và tính bền mòn cao hơn.

FRP đã được sử dụng thành công trong vài năm gần đây. Các nghiên cứu mở rộng hiện nay đang được thực hiện để thử nghiệm FRP ở các mức tải khác nhau, và để vượt qua các trở ngại kỹ thuật liên quan đến việc áp dụng vật liệu.

Polyme cốt sợi thực chất là các sợi công nghiệp cường độ cao trộn với polyme. Bản thân polymer không có khả năng chịu lực cao, nhưng có vai trò quan trọng trong quá trình tổng hợp các sợi, bảo vệ sợi tránh tác động của hóa chất và tia cực tím, và các tác động cơ học.



Ảnh 2: Dạng cuộn



Ảnh 3: Dạng lưới

Kinh nghiệm cho thấy kết cấu được gia cố có thể chịu các tải trọng bên ngoài, và có cường độ cao. Các đặc tính của vật liệu FRP thay đổi tùy theo loại sợi được sử dụng (sợi thủy tinh, sợi carbon), lượng sợi trong vật liệu kết dính và nhiều yếu tố khác.

Trong vài thập kỷ gần đây, FRP được khai thác trong các lĩnh vực hàng không vũ trụ và quân sự nhờ cường độ cao ở khối lượng tương đối thấp. Và cho đến gần đây, nhìn chung các polyme cốt sợi vẫn chưa thực sự phổ biến để làm vật liệu xây dựng, chủ yếu do giá thành cao.

Sợi thủy tinh được sử dụng trong bê tông ở ba dạng cơ bản: các sợi riêng biệt, cuộn, và lưới (xem các hình). Riêng ở dạng lưới, có nhiều kiểu lưới khác nhau tùy theo hướng của các sợi.

Các sợi được áp dụng phổ biến nhất trong các kết cấu dân dụng kỹ thuật trong đó sử dụng các vật liệu sợi thủy tinh (GFRP), carbon (CFRP), polyme cốt sợi aramid (AFRP)

Sợi là một vật liệu không đồng nhất, do đó

tính chất cơ học của nó rất khác nhau tùy thuộc vào loại sợi, chất kết dính được sử dụng, số lượng sợi và góc của chúng trong chất kết dính.

Bảng dưới cho thấy các tính chất cơ học của một số loại sợi phổ biến nhất, các chỉ số liên quan đến trục dọc của sợi theo hệ số đàn hồi

(E-modulus), biến dạng ngưỡng (Ultimate Strain) và cường độ kéo ngưỡng (Ultimate Tensile Strength- UTS). Tất cả các loại sợi thể hiện tính linh hoạt cho đến giá trị ngưỡng của lực kéo căng.

Loại sợi	Ngưỡng cường độ bảo đảm (Gpa)	Hệ số đàn hồi (Gpa)
CF 130 carbon (CFRP)	3,790	228
AK 60 cốt sợi aramid	2,000	117
EG 900 E - Glass	1,520	72,4

Một ưu điểm nữa của FRP là vật liệu có tính bền mòn hóa cao, khả năng chịu các tác động ăn mòn của môi trường rất cao, có hệ số cường độ/ trọng lượng cao. Khối lượng của FRP chỉ xấp xỉ một phần năm khối lượng vật liệu thép, trong khi cường độ gấp 8 -10 lần so với thép. Ưu điểm của việc sử dụng FRP còn ở sự đơn giản trong sản xuất và lắp đặt, tiết kiệm thời gian và chi phí cho bảo dưỡng kỹ thuật và sửa chữa. Hơn nữa, FRP có trường điện từ biến thiên, cho phép sử dụng vật liệu trong các công việc lắp đặt đặc biệt.

Như vậy, nguyên tắc cơ bản để gia cố cột bê tông cốt thép bằng sợi thủy tinh là lắp đặt vật

liệu trên tất cả các mặt của cột, duy trì hướng của các sợi dọc theo trục dọc của cột.

Các sợi kháng được biến dạng ngẫu nhiên do hiệu ứng Poisson khi cột được ép xuống. Áp suất bên được hình thành trong lớp sợi tạo ra ứng suất ba chiều trong bê tông, từ đó cải thiện đáng kể cường độ và độ dẻo đàn hồi so với trạng thái bê tông dưới áp suất trục.

Mansur Hasan

ĐH Kiến trúc Xây dựng St.Peterburg

Nguồn: Tạp chí Nhà khoa học trẻ

số 10, tháng 3/2019

ND: Lê Minh

Nghiên cứu về quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ đô thị

Cảnh quan không gian xanh đường bộ đô thị là một hình thức thể hiện trực quan nhất về hình tượng đô thị, là một bộ phận cấu thành quan trọng trong hệ thống vui chơi giải trí tại đô thị, đồng thời cũng là thể tải môi trường quan trọng trong hệ thống chuyển động chậm tại đô thị. Công tác quy hoạch hệ thống cảnh quan xanh

đường bộ có vị trí cực kỳ quan trọng trong toàn bộ hệ thống cảnh quan xanh đô thị. Trước đây, việc thiết kế quy hoạch cảnh quan không gian xanh đường bộ đa phần bị giới hạn bởi những yêu cầu về sự an toàn, yêu cầu che nắng và yêu cầu hình tượng. Cùng với sự phát triển của sinh thái học cảnh quan, không gian xanh

đường bộ đóng vai trò là bộ phận cấu thành của hành lang sinh thái đô thị. Những năm gần đây, sự mở rộng của hệ thống bốt biển, hệ thống chuyển động chậm đã cung cấp cho không gian xanh nhiều chức năng hơn. Trong khi đó, sự ra đời của quan niệm đô thị công viên lại đẩy chức năng đa dạng của không gian xanh đường bộ như giải trí, làm đẹp... lên một tầm cao mới.

Trong công tác thực tế, việc quy hoạch hệ thống không gian xanh đô thị chỉ có quy hoạch đặc biệt đối với hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ, phương diện thiết kế đô thị đa phần chú trọng vào diện mạo, màu sắc, thiết kế các cơ sở đồng bộ cho công trình đường phố... ,đề cập khá ít tới quy hoạch riêng cho không gian xanh đường bộ, chính vì vậy việc quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ cần được tìm tòi khai thác nhiều hơn nữa.

I. Vấn đề hiện trạng trong quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ

1. Thiếu sự hài hoà với hệ thống không gian xanh đô thị

Bộ phận cấu thành quan trọng của không gian xanh đường bộ là không gian xanh gắn liền với dải đường bộ, việc xây dựng quy hoạch không gian xanh gắn liền với đường bộ đa phần nhờ vào việc quy hoạch thống nhất đất sử dụng cho xây dựng, trong nhiều trường hợp không đồng bộ với việc xây dựng quy hoạch không gian xanh khác của đô thị, do đó thiếu tính hài hòa về chỉnh thể. Đặc biệt, tại rất nhiều đô thị, việc xây dựng không gian xanh đường bộ rất coi trọng các nội dung như hành lang thị giác, màu sắc hình ảnh..., xem nhẹ chức năng vui chơi giải trí của không gian xanh đường bộ.

2. Thiếu quy hoạch chỉnh thể

Bộ phận không gian xanh đường bộ trong quy hoạch hệ thống không gian xanh đô thị thông thường chỉ quy hoạch các nội dung như tỷ lệ không gian xanh, đường kiểm soát không

gian xanh, các loại thực vật và các ý tưởng cảnh quan thực vật..., thiếu quy hoạch chỉnh thể đối với việc định vị cảnh quan không gian xanh đường bộ. Trong công tác thực tế, việc thiết kế quy hoạch cảnh quan không gian xanh đường bộ của rất nhiều đô thị lấy “phương thức kết nối” làm chủ đạo. Mỗi một cảnh quan không gian xanh của mỗi con đường đều tiến hành định vị cảnh quan và thiết kế phương án căn cứ theo bên A hoặc theo sở thích riêng của nhà thiết kế, cuối cùng kết nối thành hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ của đô thị, điều này dẫn tới sự giống nhau hoặc khác nhau về phong cách của các cảnh quan không gian xanh đường bộ khác nhau trong cùng một đô thị, từ đó không thể tìm được hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ.

3. Quy hoạch chưa đủ sâu

Quy hoạch hệ thống không gian xanh đô thị đóng vai trò là một hạng mục đặc biệt trong quy hoạch tổng thể, độ sâu quy hoạch chỉ dừng ở chỉ tiêu không gian xanh và cấp độ của quy hoạch cảnh quan thực vật. Đối với các công tác như định vị cảnh quan, bố cục chức năng, bố cục cơ sở dịch vụ, loại hình kết cấu không gian xanh... của không gian xanh đường bộ chưa có sự kiểm soát ở cấp độ sâu hơn, điều này sẽ khiến việc xây dựng cảnh quan không gian xanh đường bộ không đồng đều. Vì vậy, cơ quan xây dựng cần có văn kiện kiểm soát quy hoạch để hướng dẫn thiết kế cho mỗi hạng mục xây dựng cảnh quan không gian xanh đường bộ, từ đó giúp triển khai tốt hơn công tác xây dựng cảnh quan không gian xanh đường bộ đô thị.

4. Thiếu tính đặc trưng đô thị

Cảnh quan không gian xanh đô thị là cửa sổ hiển thị ra bên ngoài một cách trực quan nhất của đô thị. Hiện tại, trong xây dựng cảnh quan không gian xanh đường bộ, các quan niệm kiểu mới, các kỹ thuật sáng tạo không ngừng được

làm phong phú, các triết lý như đô thị bọt biển, hệ thống chuyển động chậm... cũng xuất hiện rất nhiều. Tuy nhiên, việc xem nhẹ thể hiện văn hóa đô thị, đặc trưng đô thị sẽ khiến mất đi nội hàm đô thị và cá tính đô thị, hệ quả là cảnh quan không gian xanh đường bộ của rất nhiều đô thị đã xuất hiện hiện tượng rập khuôn, trùng lặp.

II. Chiến lược quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ

Một bộ quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ hợp lý, có độ sâu hợp lý trước hết cần hài hòa với quy hoạch hệ thống không gian xanh của đô thị, cần tiến hành quy hoạch bố cục không gian xanh đường bộ làm một bộ phận trong hệ thống không gian xanh đô thị. Tiếp theo, cần tiến hành quy hoạch định vị đối với việc phân khu, phân cấp hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ từ độ cao trong khung quy hoạch toàn bộ đô thị. Tiếp đến, để người thực hiện công tác xây dựng đô thị có thể kiểm soát tốt nội dung xây dựng cảnh quan không gian xanh đường bộ, cần gia tăng độ sâu trong kiểm soát quy hoạch. Cuối cùng, trên cơ sở của quy hoạch tổng thể và kiểm soát sâu, cần đẩy mạnh nghiên cứu các hạng mục trọng điểm và đặc sắc.

1. Thống nhất hài hòa với hệ thống không gian xanh đô thị

Không gian xanh trong hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ ngoài việc chỉ không gian xanh gắn với đường bộ ra còn bao gồm không gian xanh công viên phân bố ven các tuyến đường, không gian xanh bảo vệ và đất sử dụng làm quảng trường. Trong quy hoạch cần lấy cơ sở là quy hoạch hệ thống không gian xanh đô thị, kết hợp với không gian mở đô thị và hệ thống vui chơi giải trí tổng hợp để tiến hành bố cục thống nhất đối với hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ

2. Quy hoạch chỉnh thể hệ thống cảnh

quan không gian xanh

Mỗi đô thị có hàng trăm, hàng nghìn con đường, do đó việc xây dựng hệ thống cảnh quan vừa cần tạo sự đặc sắc, nổi bật lại vừa cần hài hòa về phong cách. Người thiết kế có thể căn cứ phân khu chức năng đô thị và cấp độ chức năng của đường để tiến hành quy hoạch hệ thống.

3. Hướng dẫn kiểm soát quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ

- Về phân loại: Hướng dẫn quy hoạch hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ phân thành 2 loại là chỉ tiêu kiểm soát tổng thể và chỉ tiêu kiểm soát riêng biệt. Chỉ tiêu kiểm soát tổng thể bao gồm các chỉ tiêu định lượng như cấp độ đường, độ dài con đường, độ dài khoảng không gian xanh, diện tích dải không gian xanh..., ngoài ra còn bao gồm các nội dung kiểm soát định tính như tính chất không gian xanh, chức năng không gian xanh, định vị quy hoạch, hướng dẫn đặc trưng cảnh quan ... Chỉ tiêu kiểm soát riêng biệt phân thành 7 chỉ tiêu cấp 1 là yêu cầu xây dựng, thiết kế trồng cây, hệ thống chuyển động chậm, cơ sở đồng bộ và thiết bị gia dụng tại đô thị, hệ thống trang trí, hệ thống chiếu sáng, biện pháp sinh thái, ngoài ra còn 25 chỉ tiêu cấp 2 bên dưới. Các chỉ tiêu sử dụng hình thức miêu tả định tính và kiểm soát định lượng.

- Về phân cấp: Chủ yếu hướng tới các chỉ tiêu kiểm soát riêng biệt, căn cứ định vị quy hoạch và đặc trưng cảnh quan đường bộ để phân bố trí chỉ tiêu không gian xanh đường bộ khác nhau thành 3 cấp là bố trí thông thường, bố trí tiêu chuẩn và bố trí cấp độ cao.

- Về phân đoạn: Do thời gian và trình tự xây dựng tại các phân khu đô thị khác nhau, cùng một con đường nhưng trình tự và thời gian xây dựng của từng đoạn lại khác nhau, phân khu chức năng khác nhau. Vì vậy, trong quy hoạch

cần kết hợp hiện trạng và tính chất sử dụng đất quy hoạch xung quanh, căn cứ tình hình cụ thể của từng địa phương để đưa ra nội dung hướng dẫn cụ thể.

4. Xây dựng nét đặc sắc cho hệ thống cảnh quan không gian xanh đường bộ

Cảnh quan đường bộ đô thị là cửa sổ hiển thị diện mạo đô thị, các cảnh quan đường bộ đô thị khác nhau cần thể hiện các đặc trưng đô thị khác nhau, thiết kế cảnh quan đường bộ theo hình thức kết nối rất khó hình thành đặc trưng đô thị thống nhất. Để tránh sự rập khuôn, trùng lặp, cần thông qua phong cách cảnh quan, diện

mạo đặc sắc... để thể hiện đặc trưng đô thị, thông qua thiết kế chi tiết để thể hiện đặc trưng phân khu chức năng, từ đó hình thành cảnh quan không gian xanh đường bộ đô thị với đặc trưng nổi bật và phong cách thống nhất, ngoài ra cần xây dựng trọng điểm một loạt các con đường đặc sắc có thể thể hiện nổi bật tinh thần của đô thị.

Vương Á Nam, Vương Đơn Kỳ, Lưu Soái

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 6/2019

ND: Kim Nhạn

Hiệp hội Bất động sản Thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị giải pháp tháo gỡ khó khăn cho thị trường Bất động sản

Trước những diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, tháng 4/2020 Hiệp hội Bất động sản TP. HCM (HoRea) có văn bản đề xuất Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành, UBND TP. Hồ Chí Minh một số giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp và người mua nhà, nhằm giúp thị trường BĐS “vượt bão” COVID - 19

Theo đó, HoRea đề nghị Chính phủ xem xét sớm ban hành “Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thi hành Luật Đất đai”, để khắc phục một số vướng mắc của thị trường bất động sản hiện nay trong lĩnh vực đất đai. Trong đó, có nội dung bổ sung quy định “giao đất” cho chủ đầu tư, đối với các thửa đất do Nhà nước quản lý nằm rải rác, xen cài trong dự án sản xuất kinh doanh (bao gồm dự án nhà ở, dự án kinh doanh bất động sản), trừ những thửa đất đủ điều kiện hình thành dự án độc lập thì phải thực hiện “đấu giá đất” theo quy định của pháp luật về đất đai.

Từ ngày 20/10/2015 (ngày Nghị định 99/2015/NĐ-CP có hiệu lực) đến nay, TP. Hồ Chí Minh có 126 dự án nhà ở bị ách tắc thủ tục đầu tư xây dựng, do có quỹ đất hỗn hợp, gồm đất ở, đất nông nghiệp... mà nguyên nhân do quy định về “đất ở” tại khoản 4 Điều 23 Luật Nhà ở, vừa không thống nhất với Điều 169 và Điều 191 Luật Đất đai, vừa cũng bị trùng lặp với chính khoản 1 Điều 23 Luật Nhà ở. Để giải quyết vấn đề này, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng đã chỉ đạo tại Văn bản 11153/VPCP-CN ngày 19/10/2017 của Văn phòng Chính phủ, yêu cầu UBND TP. Hồ Chí Minh báo cáo rà soát, để Bộ Tài nguyên Môi trường chủ trì cùng các Bộ, ngành tổng hợp trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định. Đến nay, UBND TP. Hồ Chí Minh đã có Văn bản số 1125/UBND-ĐT ngày 4/4/2020 thực hiện rà soát và báo cáo lên

Thủ tướng Chính phủ.

HoRea thống nhất với Bộ Xây dựng đề nghị Chính phủ xem xét việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 23 Luật Nhà ở, như sau: “Nhận chuyển quyền sử dụng đất (hoặc “đất ở và các loại đất khác”) phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, theo quy định của pháp luật về đất đai để xây dựng nhà ở thương mại”, để phù hợp với khoản (1.b) Điều 169 và khoản 2 Điều 191 Luật Đất đai và đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

HoRea đề nghị Chính phủ chỉ đạo các cơ quan trung ương phối hợp với UBND TP. Hồ Chí Minh khẩn trương rà soát, sớm có kết luận xử lý các dự án thuộc diện rà soát, thanh tra, để các chủ đầu tư chấp hành, trước hết là thực hiện các nghĩa vụ tài chính bổ sung với Nhà nước (nếu có) và được tiếp tục triển khai thực hiện dự án để giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp, giúp bổ sung nguồn cung sản phẩm cho thị trường bất động sản, đáp ứng nhu cầu nhà ở cho các tầng lớp nhân dân và cải thiện môi trường kinh doanh.

Về quy trình thủ tục đầu tư xây dựng dự án nhà ở có quỹ đất hỗn hợp: Dự án nhà ở có quỹ đất hỗn hợp bao gồm đất ở, đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp do chủ đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai, và các thửa đất rạch, bờ đất, kênh mương nội đồng do Nhà nước quản lý, thường chiếm tỷ lệ khoảng trên dưới 10% diện tích dự án, có hình dạng bất định hình, nằm rải rác, xen cài trong dự án; Dự án nhà ở phải chịu sự điều chỉnh của nhiều hệ thống pháp luật về đất đai; về quy hoạch đô thị; về xây dựng; về nhà ở; về đầu tư; về kinh doanh bất động sản... theo các quy trình thủ tục hành chính khác nhau.

Hiện nay, UBND TP. Hồ Chí Minh đang xem

xét quy trình đầu tư xây dựng đối với dự án nhà ở có quỹ đất hỗn hợp. Dự kiến sau Bước 3: Giao thuê đất dự án cho doanh nghiệp, thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện song song các thủ tục xác định giá đất; thẩm định tiền sử dụng đất; quyết định tiền sử dụng đất dự án; doanh nghiệp nộp tiền sử dụng đất; quyết định chấp thuận đầu tư, công nhận chủ đầu tư; cấp Giấy phép xây dựng cho dự án; xác định thời gian cụ thể để thực hiện các thủ tục hành chính.

Thực chất, với quy trình này, vẫn yêu cầu doanh nghiệp phải thực hiện nộp tiền sử dụng đất dự án, rồi mới được công nhận chủ đầu tư, mới được cấp Giấy phép xây dựng, mới được thi công. Hiệp hội nhận thấy, quy trình tính tiền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, thì quy trình cấp Giấy phép xây dựng và khởi công dự án cũng phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và quy trình công nhận chủ đầu tư dự án nhà ở cũng phải được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở, thì mới đảm bảo nguyên tắc thượng tôn pháp luật, chấp hành pháp luật, tuân thủ pháp luật.

Quy trình này nếu được UBND TP. Hồ Chí Minh thông qua, thì không phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, làm chậm quá trình triển khai thực hiện dự án, làm tăng chi phí đầu tư, tăng giá thành, làm tăng giá bán nhà mà người mua nhà phải gánh chịu. Bởi lẽ, pháp luật về xây dựng không quy định doanh nghiệp phải nộp tiền sử dụng đất rồi mới được thi công các công trình của dự án. Đồng thời, pháp luật về đất đai, về kinh doanh bất động sản chỉ quy định chủ đầu tư dự án phải hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Nhà nước (nộp tiền sử dụng đất) trong 2 trường hợp: (i) Trước khi lập thủ tục xin cấp “sổ đỏ” dự án; (ii) Trước khi bán nhà ở có sẵn, hoặc nhà ở hình thành trong tương lai.

Do đây là vấn đề rất quan trọng, nên HoRea đề nghị UBND TP. Hồ Chí Minh quan tâm, cân nhắc kỹ trước khi quyết định. Đồng thời, Hiệp hội đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ, ngành rà soát

và hướng dẫn ban hành “Quy trình chuẩn” về đầu tư xây dựng các dự án nhà ở có quỹ đất hỗn hợp để thống nhất thực hiện tại các địa phương.

Về ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án nhà ở: Khoản (1.c) Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định không bắt buộc ký quỹ (từ 1-3% tổng vốn đầu tư) đối với dự án mà nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Nhưng hiện nay, một số địa phương lại buộc tất cả các dự án này đều phải nộp tiền ký quỹ. Do đó, HoRea đề nghị Chính phủ chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thực hiện nghiêm túc Khoản (1.c) Điều 27 Nghị định 118/2015/NĐ-CP quy định không bắt buộc ký quỹ (từ 1-3% tổng vốn đầu tư) đối với dự án mà nhà đầu tư nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Năm 2019, hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp bất động sản đạt 106.500 tỷ đồng, chiếm khoảng 38%. Trong đó, có 84,2% doanh nghiệp phát hành trái phiếu có tổng giá trị trái phiếu dưới 03 lần vốn chủ sở hữu, lãi suất bình quân 10,3% (tương đương lãi suất vay ngân hàng), đảm bảo được yếu tố an toàn và hợp lý. Quý 1/2020, hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp cả nước có giá trị lên đến 37.308 tỷ đồng. Trong đó, trái phiếu doanh nghiệp bất động sản phát hành nhiều nhất, đạt 20.474 tỷ đồng, chiếm 55%, lãi suất bình quân 10,8%/năm, cũng tương đương lãi suất vay ngân hàng.

Hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp đã bổ sung được nguồn vốn đầu tư quan trọng của xã hội thay thế một phần nguồn vốn tín dụng ngân hàng. Hiện nay, đang trong quá trình thực hiện lộ trình hạn chế dần tín dụng vào thị trường bất động sản theo Thông tư 22/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước, nên các doanh nghiệp bất động sản phải tìm kiếm các nguồn vốn thay thế, trong đó, có kênh phát hành trái phiếu doanh nghiệp.

HoRea nhận thấy rất cần thiết sửa đổi, bổ

sung nhằm hoàn thiện Nghị định 163/2018/NĐ-CP để tạo hành lang pháp lý phát triển thị trường trái phiếu doanh nghiệp minh bạch, lành mạnh, vừa trở thành một trong những nguồn cung ứng vốn đầu tư trung hạn, dài hạn cho doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp bất động sản, vừa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của các nhà đầu tư trái phiếu. Cộng hưởng với những khó khăn mới phát sinh do đại dịch CoViD-19 hiện nay, Hiệp hội đề nghị không nên siết hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp, để tạo thêm kênh huy động vốn đầu tư xã hội cho lĩnh vực bất động sản.

Về phát triển nhà ở xã hội, HoRea đề nghị Thủ tướng Chính phủ chủ trì Hội nghị phát triển nhà ở xã hội đảm bảo an sinh xã hội, sau khi đại dịch CoViD-19 qua đi, để tạo cú hích phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại có giá vừa túi tiền, đáp ứng nhu cầu nhà ở thực của cán bộ, công chức viên chức nhà nước, cán bộ lực lượng vũ trang, công nhân, lao động, người có thu nhập trung bình, người có thu nhập thấp đô thị, người nhập cư.

Hiện nay, giới trẻ mới lập gia đình, mới lập nghiệp đang có xu thế sống tự lập, có nhu cầu tạo lập “căn hộ nhỏ”. Kết quả nghiên cứu đã cho thấy, cứ sau mỗi 10 năm thì đa phần giới trẻ có thu nhập tăng lên khoảng gấp đôi. Do vậy, đầu tư cho giới trẻ gần như rất ít bị rủi ro. Nhiều nước trên thế giới cho giới trẻ vay tín dụng theo phương thức tín chấp để mua nhà, để đóng học phí. Việc giới trẻ có nhà riêng sẽ còn kéo theo nhu cầu gia tăng về trang thiết bị, hàng hóa và nhiều loại dịch vụ khác, kích thích nền kinh tế phát triển. Từ “căn hộ nhỏ” ban đầu, sẽ chuyển đổi qua các căn nhà lớn hơn trong vòng đời, trong quá trình thu nhập tăng thêm.

Do vậy, HoRea đề nghị Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước xem xét ban hành chính sách “tín dụng tạo lập căn nhà đầu tiên” cho giới trẻ theo phương thức tín chấp, để mua nhà (Ghi chú: Ngân hàng Grameen Bank của Bangladesh cho người nghèo vay không thế

chấp để làm ăn, nhưng tỷ lệ nợ xấu dưới 1%).

Về thanh toán quỹ đất hoàn vốn cho các dự án thực hiện theo Hợp đồng xây dựng - chuyển giao (Dự án BT) được ký trước ngày 1/1/2018: Khoản 1 Điều 17 Nghị định 69/2019/NĐ-CP quy định “Đối với các Hợp đồng BT thanh toán bằng quỹ đất, trụ sở làm việc cho Nhà đầu tư thực hiện Dự án BT đã được ký kết theo đúng quy định của pháp luật tại thời điểm ký Hợp đồng BT trước ngày 1/1/2018 mà chưa hoàn thành việc thanh toán cho Nhà đầu tư thì tiếp tục thực hiện việc thanh toán theo nội dung Hợp đồng BT đã ký kết. Trường hợp các nội dung liên quan đến việc thanh toán chưa được quy định rõ trong Hợp đồng BT thì áp dụng các quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật đầu tư năm 2014, Luật xây dựng năm 2014, Luật ngân sách nhà nước năm 2015, Luật quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017 và pháp luật có liên quan có hiệu lực tại thời điểm thanh toán (...)”.

Nhưng trên thực tế, nhiều Dự án BT của các doanh nghiệp đã được ký kết trước ngày 1/1/2018, đã hoàn thành xây dựng, được nghiệm thu đưa vào sử dụng hoặc đã hoàn thành phần lớn khối lượng công trình và đã được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành kiểm tra, rà soát và kết luận đủ điều kiện thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng BT, nhưng đến nay vẫn chưa được thanh toán, với lý do chờ hướng dẫn thực hiện, dẫn đến doanh nghiệp bị thiệt hại lớn vì bị chôn vốn, bị tăng chi phí lãi vay ngân hàng

HoRea đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ, ngành sớm có Văn bản hướng dẫn chi tiết thực hiện khoản 1 Điều 17 Nghị định 69/2019/NĐ-CP để giải quyết vướng mắc này, giúp cho nhà đầu tư được thanh toán theo Hợp đồng BT.

Cùng với đó, HoRea cũng đề xuất UBND TP. Hồ Chí Minh hỗ trợ, tạo điều kiện để thị trường bất động sản phục hồi và tăng trưởng bền vững sau đại dịch, như sau: Cân nhắc, ban hành Quy trình thủ tục đầu tư xây dựng đối với dự án nhà ở thương mại, dự án nhà ở xã hội có quỹ đất hỗn

hợp, phù hợp với các quy định pháp luật và phù hợp thực tiễn; chỉ đạo các Sở, ngành đẩy nhanh tiến độ thực hiện thủ tục tính tiền sử dụng đất dự án nhà ở thương mại; chỉ đạo các Sở, ngành đề xuất giải quyết dứt điểm việc tính tiền sử dụng đất, đối với phần diện tích tầng hầm vượt ra ngoài diện tích khối đế xây dựng của tòa nhà chung cư dự án nhà ở thương mại, để các chủ đầu tư thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước và được làm sổ đỏ cho người mua nhà.

Đối với trường hợp dự án nhà ở thương mại mà chủ đầu tư phải thực hiện nghĩa vụ tài chính (bổ sung), do điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch, kiến trúc, dẫn đến việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm xác định tiền sử dụng đất (bổ

sung), dẫn đến thiệt hại quyền lợi của người mua nhà, HoRea đề nghị UBND TP. Hồ Chí Minh chỉ đạo Sở Tài nguyên Môi trường ưu tiên cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở (sổ đỏ) cho khách hàng mua căn hộ chung cư của dự án, với điều kiện chủ đầu tư có văn bản đề nghị cấp sổ đỏ cho khách hàng và cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính bổ sung.

Với những giải pháp đã nêu, HoRea hi vọng thị trường bất động sản toàn quốc nói chung, TP. Hồ Chí Minh nói riêng sẽ nhanh chóng vượt qua “cơn bão” COVID-19.

Trần Đình Hà

Tổng Công ty HUD: Chủ động xây dựng phương án ứng phó với ảnh hưởng của dịch bệnh Covid - 19

Ngay từ khi dịch bệnh Covid-19 mới xuất hiện, quán triệt các chỉ đạo của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ và của các Bộ, Ngành từ Trung ương đến địa phương, Tổng công ty HUD đã tích cực xây dựng kế hoạch, phương án và các giải pháp cụ thể để bảo đảm an toàn sức khỏe của CBNV, người lao động HUD trên mọi miền đất nước, đồng thời duy trì ổn định hoạt động đầu tư và kinh doanh, hạn chế tối đa tác động của dịch bệnh.

Những tác động của đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến việc hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quý I và kế hoạch cả năm 2020 của HUD. Kết thúc Quý I/2020, các chỉ tiêu thực hiện Quý chỉ chiếm trên dưới 10% Kế hoạch cả năm, và thấp hơn cùng kỳ 2019. Các quá trình sản xuất kinh doanh, từ công tác chuẩn bị đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng, thi công xây lắp và đặc biệt là công tác kinh doanh, thu hồi vốn gặp rất nhiều khó khăn, doanh thu, lợi nhuận sụt giảm dẫn tới thu nhập của người lao động giảm sút và nguy cơ phải giảm việc làm, giảm lao động.



HUD tặng kinh phí để mua trang thiết bị, vật tư y tế phục vụ việc phòng chống dịch của Trung tâm phục vụ Hành chính công tỉnh Quảng Ngãi

Sớm nhận thức những ảnh hưởng của đại dịch đến hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị, Đảng ủy, Hội đồng thành viên, Ban Tổng giám đốc HUD đã quán triệt các chỉ đạo, định hướng của Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Xây dựng, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp trung ương và các Bộ, ngành địa phương để nghiên cứu, phân tích ảnh hưởng, đưa ra các kế hoạch, giải pháp ứng phó, hạn chế thấp nhất thiệt hại do Covid-19 gây ra như: thành lập Ban



Dự án NOXH 08 Khu ĐTM Thanh Lâm Đại Thịnh 2, Hà Nội, đang được khẩn trương hoàn thiện các thủ tục để sẵn sàng cho công tác kinh doanh trong Quý II/2020

Chỉ đạo phòng chống dịch bệnh Covid-19 do đồng chí Tổng giám đốc Tổng công ty làm Trưởng ban; ban hành kế hoạch tổng thể và thường xuyên cập nhật tình hình, diễn biến của dịch bệnh để tổ chức tuyên truyền, thực hiện các biện pháp cụ thể, phù hợp ứng phó với dịch bệnh cũng như chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Với đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, kết hợp với việc phân tích các yếu tố ảnh hưởng, HUD đã xây dựng ba kịch bản tương ứng với 3 cấp độ lây lan của dịch bệnh. Tương ứng với mỗi cấp độ ảnh hưởng, HUD đã đưa ra các giải pháp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và giải pháp về tài chính phù hợp để tận dụng tối đa nguồn lực, thời gian, giảm thiểu ảnh hưởng từ dịch bệnh đến hoạt động của đơn vị, phấn đấu hoàn thành mức độ cao nhất các mục tiêu năm 2020.

Cùng với việc xây dựng các kịch bản ứng phó, từ thực tiễn hoạt động sản xuất kinh doanh và kinh nghiệm hơn 30 năm hoạt động trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản, trải qua nhiều thời kỳ thị trường biến động, HUD cũng đề xuất với cấp có thẩm quyền để góp phần tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp đầu tư, kinh doanh bất động sản. Các đề xuất tập trung vào các chính sách tài khóa, tín dụng ngân hàng, trong đó có đề xuất Chính phủ và



Dự án Phú Mỹ, tỉnh Quảng Ngãi sẵn sàng chào đón các cư dân đến định cư

Ngân hàng Nhà nước bố trí bổ sung nguồn vốn cho vay hỗ trợ người mua nhà và doanh nghiệp đầu tư nhà ở xã hội vừa giúp người nghèo mua nhà ở sau thời gian khó khăn do dịch bệnh, vừa tạo công ăn việc làm cho doanh nghiệp.

Ngay trong khi đang nghiêm túc thực hiện các Chỉ thị 15/CT-TTg và 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện đợt cao điểm và các biện pháp cấp bách phòng chống dịch bệnh Covid-19, bằng các giải pháp phù hợp cùng với việc tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị điều hành doanh nghiệp, HUD vừa thực hiện tốt việc giãn cách xã hội theo Chỉ thị của Thủ tướng nhưng vẫn chủ động triển khai những công việc trong điều kiện an toàn cho phép. Các công tác chuẩn bị đầu tư, thủ tục đầu tư dự án được tập trung hoàn thiện để có thể triển khai ngay khi dịch được khống chế; một số công trường tiếp tục triển khai trên tinh thần đảm bảo nghiêm túc các quy định an toàn phòng chống dịch như HUD Building Nha Trang, HUD Phú Mỹ,...; công tác đánh giá thị trường, các thủ tục chuẩn bị cho công tác kinh doanh các dự án như cũng được chuẩn bị sẵn sàng tại các dự án: Nhà ở xã hội Thanh Lâm Đại Thịnh 2, nhà ở thấp tầng HUD Sơn Tây, Phú Mỹ, Chánh Mỹ, Đông Tăng Long,.. để có thể triển khai ngay khi dịch được khống chế và thị trường có yếu tố tích cực.

Bên cạnh đó, nhiều giải pháp tiết giảm chi phí quản lý, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh

doanh được đẩy mạnh. Các cuộc họp trực tuyến được triển khai giảm bớt chi phí đi lại. Nhiều giải pháp kinh doanh trên nền tảng công nghệ số được nghiên cứu để từng bước áp dụng... theo định hướng Chương trình của Tổng công ty về ứng dụng các thành quả cách mạng công nghiệp 4.0 vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản trị doanh nghiệp.

Ngoài ra, HUD cũng vận động CBNV, người lao động HUD chung tay cùng cả nước tham gia ủng hộ công tác phòng chống dịch qua các hình thức như nhắn tin ủng hộ kinh phí theo lời kêu gọi của Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Chủ động hỗ trợ một số địa phương trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 như trao tặng 50 triệu đồng tới UBND tỉnh Quảng Ngãi để trang bị 01 máy phun chất kháng khuẩn và các vật tư y tế thiết yếu như

khẩu trang y tế, nước sát khuẩn... đặt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh nhằm phục vụ công tác phòng dịch cho người dân và cán bộ công chức làm việc tại Trung tâm; tổ chức phát miễn phí 3.000 khẩu trang cho người dân tại khu đô thị mới Đông Tăng Long và cư dân các vùng phụ cận, đơn vị cũng đã trao tặng 200 chiếc khẩu trang cho UBND phường Trường Thạnh, Quận 9, TpHCM; trao tặng 10.000 khẩu trang kháng khuẩn (sản phẩm do Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex) sản xuất và 2.800 chai dung dịch rửa tay khô diệt khuẩn và một số nhu yếu phẩm cho tỉnh Vĩnh Phúc nhằm hỗ trợ nhân dân vùng có dịch phòng chống dịch Covid-19.

Bích Ngọc

Xây dựng nông thôn trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nằm trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Nam, có diện tích tự nhiên là 1.980km², tiếp giáp với TP. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Thuận và Biển Đông. Dân số toàn tỉnh năm 2019 là 1,5 triệu người. Toàn tỉnh có 8 đơn vị hành chính cấp huyện gồm: Thành phố Vũng Tàu; thành phố Bà Rịa; thị xã Phú Mỹ, huyện Châu Đức, huyện Xuyên Mộc, huyện Long Điền, huyện Đất Đỏ, huyện Côn Đảo.

Thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã nhanh chóng tổ chức triển khai thực hiện Chương trình ở các cấp theo đúng quy định của Trung ương với đầy đủ các thành phần trong hệ thống chính trị, các tổ chức chính trị xã hội, các Sở, ban ngành đảm bảo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo toàn xã hội tham gia thực hiện Chương trình.

UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số 2257/QĐ - UBND ngày 16/9/2010 về việc thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chương trình nông thôn mới tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu do 1 đồng chí Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Trưởng Ban. Các phó Trưởng ban là Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phó giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư. Thành viên Ban chỉ đạo gồm đầy đủ lãnh đạo các Sở, ban ngành, tổ chức chính trị xã hội trong hệ thống chính trị của tỉnh. Sau đó, Ban chỉ đạo xây dựng Chương trình nông thôn mới tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã được đổi tên thành Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu thực tiễn đề ra.

Sau 10 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, nhờ được cán bộ và nhân dân tin tưởng đồng thuận và tích cực tham gia hỗ trợ,

đóng góp để xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, kết hợp với sự lãnh đạo, chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo và sự vào cuộc đồng bộ của hệ thống chính trị tạo điều kiện thuận lợi cơ bản để hoàn thành các mục tiêu, tiêu chí xây dựng nông thôn mới đề ra. Bộ mặt nông thôn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ngày càng đổi thay, nhiều công trình hạ tầng được đầu tư xây dựng, môi trường sống người dân ngày càng được cải thiện.

Tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, công tác lập đồ án quy hoạch nông thôn giai đoạn 2010 - 2020 được xác định có vai trò quan trọng hàng đầu trong xây dựng nông thôn mới. UBND tỉnh đã giao Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn triển khai công tác lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới tại các địa phương đảm bảo chất lượng các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới đáp ứng được yêu cầu thực tế về quản lý đầu tư xây dựng định hướng phát triển không gian và cảnh quan tại các khu trung tâm, điểm dân cư nông thôn; tổ chức quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển.

Song song với đó, việc triển khai Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2016 - 2020 cũng đã được Sở Xây dựng tổ chức hướng dẫn các địa phương thực hiện các tiêu chí liên quan đến lĩnh vực quy hoạch xây dựng; tổ chức hướng dẫn rà soát điều chỉnh bổ sung quy hoạch sản xuất trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới gắn với tái cơ cấu nông nghiệp cấp huyện, cấp vùng và cấp tỉnh; đảm bảo chất lượng phù hợp với các đặc điểm tự nhiên, kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng và tập quán sinh hoạt của từng vùng miền; tổ chức hướng dẫn công tác rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế xã hội môi trường nông thôn trong đồ án quy hoạch xã nông thôn mới đảm bảo hài hòa giữa phát triển nông thôn với phát triển đô thị, phát triển các khu dân cư hiện có trên địa bàn các xã.

Với tinh thần trách nhiệm cao của toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là chính quyền các

huyện, thị xã, thành phố, hiện nay 100% xã trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã hoàn thành công tác lập quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

Riêng công tác triển khai lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xây dựng vùng nhằm đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, Sở Xây dựng đã ban hành các văn bản hướng dẫn trình tự việc thực hiện tiêu chí quy hoạch trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020 được ban hành theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ. Ngoài ra, Sở Xây dựng đã có các đề xuất và kiến nghị Bộ Xây dựng đề nghị đối với huyện đã phủ kín quy hoạch xây dựng được phê duyệt thì không cần phải lập quy hoạch xây dựng vùng huyện và đạt tiêu chí về quy hoạch theo Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

Sở Xây dựng đồng thời đề nghị Bộ Xây dựng có văn bản hướng dẫn cụ thể công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện phù hợp với tình hình của tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đặc biệt là đối với huyện gần như phủ kín quy hoạch xây dựng nêu trên để địa phương có cơ sở triển khai thực hiện công tác lập quy hoạch xây dựng vùng huyện theo Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT, đáp ứng tiêu chí của Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ. Đến nay, huyện Đất Đỏ và huyện Long Điền đã được UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện làm cơ sở triển khai đồ án quy hoạch vùng huyện.

Hiện nay, việc thực hiện và triển khai các văn bản pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn liên quan đến quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chỉ đạo thường xuyên và sâu sát. Trên cơ sở chỉ đạo

của UBND tỉnh, Sở Xây dựng đã nghiên cứu các văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức phổ biến, hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung liên quan đến các địa phương. Đối với những trường hợp còn vướng mắc, Sở Xây dựng đã có văn bản xin ý kiến Bộ Xây dựng hỗ trợ giải đáp trong quá trình thực hiện.

Về chất lượng đồ án, quá trình tổ chức lập, thẩm định các đồ án quy hoạch xây dựng nông thôn mới cơ bản đáp ứng yêu cầu trên cơ sở xác định các đồ án nông thôn mới các xã đã được phê duyệt làm cơ sở triển khai các dự án trong Chương trình. Đối với trường hợp dự án triển khai có sự điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế thì UBND huyện chỉ đạo UBND xã tổ chức lấy ý kiến nhân dân tại khu vực dự kiến triển khai dự án và báo cáo UBND tỉnh tổ chức

cập nhật nội dung điều chỉnh và đồ án nông thôn mới. Định kỳ 5 năm, UBND xã rà soát, báo cáo UBND huyện đề nghị được điều chỉnh tổng thể quy hoạch chung xây dựng các xã.

Nhờ sự đồng lòng, quyết tâm của toàn bộ hệ thống chính trị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và sự hưởng ứng của người dân trong việc triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đến nay diện mạo nông thôn Bà Rịa - Vũng Tàu đã có sự đổi thay rất đáng mừng, đời sống vật chất và tinh thần người dân được nâng cao, đã góp phần tăng cường niềm tin của người dân vào các chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trần Đình Hà

Nhiệm vụ và giải pháp phát triển công tác quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn sau 2020

Ngày 4/6/2010, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 800/QĐ/TTg phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, với mục tiêu của Chương trình là xây dựng nông thôn mới để nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội phù hợp; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn phát triển nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị; xây dựng xã hội nông thôn dân chủ, bình đẳng, ổn định giàu bản sắc văn hóa dân tộc; bảo vệ môi trường; quốc phòng và an ninh trật tự được giữ vững.

Để thực hiện các mục tiêu trên, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1980/QĐ/TTg ngày 17/10/2016 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 5/4/2016 về việc ban hành Tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố

trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Theo đó, tiêu chí quy hoạch được quy định là tiêu chí số 1 và là một trong những tiêu chí bắt buộc, áp dụng chung trên phạm vi toàn quốc trong triển khai xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới với cấp xã và cấp huyện.

Như vậy, có thể nói, công tác quy hoạch có vai trò, ý nghĩa đặc biệt quan trọng, luôn được xác định là nội dung phải được triển khai trước một bước để định hướng cho xây dựng nông thôn mới đạt tiêu chuẩn ở cả cấp xã và cấp huyện. Qua 10 năm triển khai thực hiện, công tác quy hoạch trong xây dựng nông thôn mới đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, rất đáng mừng, song cũng gặp phải không ít khó khăn hạn chế, cần có những giải pháp đúng đắn, kịp thời tháo gỡ để Chương trình đảm bảo đạt được đúng, đầy đủ các mục tiêu đã đề ra.

Những thành tựu nổi bật

Sau 10 năm triển khai thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, với sự nỗ lực, cố gắng của các Bộ, ngành Trung ương, các cấp ủy chính quyền địa phương, lực lượng xã hội và sự hưởng ứng, chung tay và góp sức của nhân dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chương trình xây dựng nông thôn mới toàn quốc đã đạt được những kết quả toàn diện, tích cực: Bộ mặt nhiều vùng nông thôn khang trang, xanh, sạch, đẹp hơn, hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, văn hóa được quan tâm đầu tư, nâng cấp và xây dựng mới; sản xuất nông nghiệp tiếp tục được phát triển mang lại hiệu quả kinh tế và thu nhập cao cho người dân; số hộ nghèo giảm nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn từng bước được cải thiện, hệ thống chính trị cơ sở tiếp tục được củng cố.

Đến nay, cả nước có 4.522 xã, chiếm khoảng 50,08% tổng số xã toàn quốc đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Riêng tiêu chí số 1 về quy hoạch có 8.876 xã đã đạt chuẩn, tương ứng với khoảng 99,7% tổng số xã. Mức đạt chuẩn cao nhất so với tổng số 19 tiêu chí xã nông thôn mới. Các địa phương đã coi việc triển khai công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ hết sức quan trọng, giúp hoạch định phát triển các không gian trên địa bàn xã một cách toàn diện, có vai trò tiền đề tạo điều kiện khai thác hợp lý, phát huy được những tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, tạo sự liên kết trong vùng, mở rộng thị trường, phát triển sản xuất một cách bền vững, đảm bảo nông thôn phát triển theo quy hoạch, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, dân trí của người dân, xây dựng nếp sống mới văn minh hiện đại ở nông thôn.

Nhiều hạn chế cần khắc phục

Đến nay, cả nước đã cơ bản hoàn thành công tác quy hoạch với 99,7% số xã đạt tiêu chí quy hoạch. Tuy nhiên, tiêu chí quy hoạch được điều chỉnh áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 là quy hoạch chung xây dựng xã. Nếu so với kết

quả tổng hợp từ báo cáo của các địa phương đến thời điểm cuối năm 2015 là 98,7% số xã đạt tiêu chí quy hoạch thì có một tỷ lệ rất nhỏ (1,0%) số xã được đánh giá là đạt theo quy định của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, còn lại hầu hết các xã đạt tiêu chí quy hoạch đều đánh giá theo các quy định của giai đoạn trước. Trên thực tế, chất lượng các đồ án quy hoạch của một số xã còn thấp, thiếu sự liên kết giữa bố trí dân cư, xây dựng các công trình hạ tầng, vùng sản xuất tập trung và thiếu tính liên kết vùng.

Từ việc quản lý xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch ở một số nơi còn thiếu chặt chẽ. Thực tế đang diễn ra ở nhiều xã cho thấy quy hoạch thiếu tính khả thi do lạc hậu hoặc là sự sao chép, không gắn với điều kiện đặc thù của địa phương; tình trạng nhà ở của người dân xây dựng không theo quy hoạch, mạnh ai nấy làm đang diễn ra phổ biến, làm cho không gian kiến trúc nhà ở nông thôn lộn xộn, mất mỹ quan.

Nhiệm vụ và giải pháp

Để các địa phương thuận lợi hơn trong việc hoạch định phát triển các không gian trên địa bàn xã một cách toàn diện, phù hợp với điều kiện thực tế đặc thù và định hướng phát triển lâu dài, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, giúp nông thôn phát triển bền vững trở thành những miền quê đáng sống, qua đó nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Về công tác quy hoạch xây dựng nông thôn mới, trong thời gian tới, các cơ quan đơn vị, địa phương có liên quan cần thực hiện đồng bộ những nhiệm vụ giải pháp trọng tâm sau:

Ngành Xây dựng cần rà soát các văn bản quy định, hướng dẫn về quy hoạch xây dựng, quản lý cảnh quan nông thôn mới trên cơ sở đặc thù của địa phương, đồng thời nghiên cứu, đề xuất điều chỉnh quy hoạch lại không gian khu vực nông thôn đảm bảo đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế xã hội theo định hướng lâu dài.

Các địa phương cần chủ động, tập trung chỉ đạo thực hiện rà soát điều chỉnh, bổ sung quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới cấp xã gắn với yêu cầu phát triển kinh tế xã hội, khai thác tiềm năng, lợi thế trên địa bàn; xây dựng, bảo tồn và phát huy các giá trị không gian kiến trúc cảnh quan truyền thống, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu... trên cơ sở xác định tiềm năng động lực và dự báo phát triển xã hội về quy mô dân số, lao động, số hộ dân cho giai đoạn dài hạn và phân kỳ quy hoạch 5 năm, đồng thời phải dự báo được động lực phát triển kinh tế chủ đạo, quy mô sản xuất, sản phẩm chủ lực, tiềm năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra.

Chỉ đạo, thực hiện nghiêm túc đúng quy định về quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt; thường xuyên tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật của các cơ quan tổ chức và cá nhân, ngăn chặn kịp thời, xử

lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, tổ chức thực hiện theo quy hoạch xây dựng nông thôn mới đã được phê duyệt.

Do hiện nay, Luật Xây dựng không quy định cấp phép đối với việc xây nhà ở nông thôn, vì vậy khi xây dựng Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn sau 2020 cần nghiên cứu đưa ra chỉ tiêu cho Tiêu chí nhà ở dân cư theo hướng phải phù hợp với môi trường cảnh quan xung quanh, có chiều cao phù hợp với bề rộng mặt đường, được sự đồng thuận của cộng đồng... để vận động người dân nông thôn khi xây dựng nhà ở đảm bảo phù hợp, nhằm giữ gìn được những nét đặc trưng của nông thôn truyền thống, tránh bê tông hóa, nhà cao tầng hóa nông thôn.

Trần Đình Hà

(Theo Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương)

Con đường quy hoạch nông thôn tại Anh và sự liên hệ trong quy hoạch nông thôn tại Trung Quốc

I. Con đường quy hoạch nông thôn của nước Anh

Công tác quy hoạch nông thôn tại Anh lấy Tây Nam nước Anh làm ví dụ, việc quy hoạch nông thôn tại Tây Nam nước Anh lấy nội dung nghiên cứu là toàn bộ không gian đô thị và nông thôn, giống như quy hoạch tổng thể khu vực huyện và thành phố được thực hiện tại khu vực ven biển phát triển của Trung Quốc. Tây Nam nước Anh là một khu vực trực thuộc của Anh, diện tích 23.892km, tương đương với thành phố cấp tỉnh của Trung Quốc, là khu vực nông thôn hoá nhất tại Anh, mật độ dân số khoảng 200 người/km

Quy hoạch nông thôn nước Anh lấy mục tiêu làm định hướng, lấy xây dựng cộng đồng nông thôn phát triển bền vững là mục tiêu và nhiệm vụ quy hoạch. Căn cứ vào các dữ liệu cơ sở về

dân số, kinh tế, xã hội... để phân tích đặc điểm chức năng và nhu cầu phát triển của không gian đô thị và nông thôn, coi việc nghiên cứu đô thị và nông thôn và việc phân tích chức năng của các khu vực nông thôn khác nhau làm trọng điểm quy hoạch. Trên cơ sở này, nước Anh phân chia khu vực thành vô số các tiểu khu vực, đề ra quy hoạch không gian khu vực và chiến lược phát triển giao thông. Cuối cùng, trên cơ sở tích hợp với các quy hoạch khác, nước Anh đề ra chiến lược phát triển các tiểu khu vực, chủ yếu bao gồm mấy phương diện như nhà ở, việc làm, du lịch, giao thông, cơ sở hạ tầng, vui chơi giải trí, nông nghiệp, khoáng sản, xử lý rác thải...

II. Phương pháp quy hoạch nông thôn của Anh

1. Thay đổi phương thức xác định đô thị

và nông thôn, lấy trọng tâm là liên kết chức năng, thực hiện sự phát triển cân bằng đô thị và nông thôn

Việc quy hoạch khu vực nông thôn nước Anh lấy nội dung trọng điểm là phân tích chức năng khu vực nông thôn để nghiên cứu quy hoạch, từ đó liên hệ chức năng không gian đô thị và nông thôn, căn cứ mật độ dân số và khả năng tiếp cận để chia không gian thành khu vực đô thị và khu vực nông thôn, trong đó khu vực nông thôn lấy các nhân tố như không gian, chức năng, việc làm, số lượng dân số ... để tiến hành phân chia tổng hợp, thay vì phân chia chặt chẽ thể chế hành chính, khu vực thành thị và nông thôn là hai loại khu vực không gian có đặc điểm kinh tế xã hội khác nhau, nông thôn không phải là khu vực tồn tại rời xa đô thị, giữa đô thị và nông thôn là sự ảnh hưởng lẫn nhau, tác động lẫn nhau.

Thông qua phân tích các chỉ tiêu như dân số (tốc độ tăng trưởng, thành phần độ tuổi, thành phần nghề nghiệp, dòng chảy dân số), kinh tế (kết cấu 3 ngành công nghiệp, thành phần ngành, vị trí việc làm, tình hình thu chi), môi trường (điều kiện tự nhiên, tình hình sinh thái) ... để tìm ra vấn đề hiện trạng và động lực phát triển tại khu vực nông thôn, nghiên cứu sự khác nhau và mối liên hệ về chức năng của đô thị và nông thôn nói chung và trong nội bộ khu vực nông thôn nói riêng, từ đó đưa ra các chiến lược phát triển khác nhau.

2. Phân chia thành các tiểu khu vực khác nhau, nghiên cứu quan hệ không gian đô thị nông thôn ở các tầng lớp khác nhau

Khi xem xét tới khu vực nông thôn, trong nội bộ khu vực đã tồn tại tính khác biệt khá lớn, hơn nữa khu vực đô thị lại có tác dụng bức xạ và thẩm thấu đối với khu vực nông thôn xung quanh, vì vậy cần phân chia thành các tiểu khu vực khác nhau ở các bình diện khác nhau để nghiên cứu từng khu vực nông thôn khác nhau.

Khi xem xét tổng hợp về liên hệ chức năng và đặc trưng tương ứng, việc quy hoạch nông

thôn tại Tây Nam nước Anh sẽ phân chia phạm vi quy hoạch thành 4 tiểu khu vực. Phương pháp phân chia là: Trên cơ sở phân tích hiện trạng, căn cứ vào lưu lượng đi lại (dân số đi lại và liên hệ điện thoại), chỉ tiêu hoạt động kinh tế (như thương mại, vị trí việc làm, tỷ lệ thất nghiệp, mức lương...), chỉ tiêu khoảng cách (như khoảng cách tới các sân bay và nhà ga tàu hoả chính...), chỉ tiêu xã hội (cung ứng nhà ở...) để phân chia thành vô số tiểu khu vực khác nhau. Ngoài ra, căn cứ chỉ tiêu về trình độ phát triển của các thị trấn (tính sẵn có của dịch vụ, mật độ của dân số tạm trú và dân số thường trú) để xác định địa vị chức năng của khu vực nông thôn, từ đó đưa ra bản đồ phân bố chức năng và quy mô thị trấn. Cuối cùng, đưa các bản vẽ được thực hiện dưới các chỉ số khác nhau để tiến hành chồng xếp, cuối cùng phân chia thành 3 tiểu khu vực khác nhau.

3. Đưa ra các chiến lược phát triển khu vực nông thôn tập trung trọng điểm vào các tiểu khu vực

Công tác quy hoạch nông thôn tại Tây Nam nước Anh ngoài việc đề ra các chiến lược phát triển không gian chính thể ra còn đưa ra các chiến lược phát triển đô thị và nông thôn khác nhau dựa theo tình hình cụ thể của từng tiểu khu vực, trong đó bao gồm các phương diện như chính sách cung ứng nhà ở, chiến lược phát triển kinh tế (bán lẻ, ngành dịch vụ), vui chơi giải trí...

III. Ý nghĩa đối với việc đổi mới lập quy hoạch tổng thể nông thôn tại Trung Quốc***1. Chi tiết hoá yếu tố không gian***

Thứ nhất, xác định ranh giới mang tính cứng nhắc, như đường biên giới nông nghiệp cơ bản, đường đỏ bảo hộ đất rừng, đường bảo hộ văn vật, đường bảo hộ khu danh thắng..., hiệu chỉnh quy hoạch xây dựng với khu vực huyện tại nông thôn, kết hợp với tình hình thực tế của các làng quê và thị trấn để bổ sung hoàn thiện yếu tố kiểm soát, từ đó hoạch định biên giới không gian chính xác hơn.

Thứ hai, đánh giá tính hợp lý của đất sử dụng cho xây dựng tại đô thị và nông thôn trong toàn khu vực, tiến hành nắm bắt toàn diện đối với không gian phát triển đô thị và nông thôn toàn khu vực.

Thứ ba, ứng dụng phương pháp phân tích sức tải tài nguyên môi trường, dự tính quy mô dân số và đất sử dụng, xu thế phát triển không gian..., từ đó luận chứng quy mô xây dựng đô thị nông thôn và xu hướng phát triển.

2. Xây dựng bố cục tổng thể đất sử dụng thích ứng với sự khác biệt giữa đô thị và nông thôn

Căn cứ kết quả nghiên cứu của giai đoạn trước, dựa trên cơ sở ranh giới kiểm soát mang tính cứng nhắc và rõ ràng để xây dựng bố cục tổng thể đất sử dụng thích ứng với sự phát triển khác biệt của đô thị và nông thôn.

Căn cứ tình hình thực tế trong phát triển nông thôn, đưa ra chiến lược bố cục đất sử dụng khác biệt giữa đô thị và nông thôn. Đối với khu vực thị trấn, tập trung nâng cao môi trường cư trú, tối ưu hoá bố cục không gian, hoàn thiện đồng bộ cơ sở dịch vụ công cộng. Đối với nông thôn, thông qua xây dựng ranh giới cho phép sử dụng đất và hướng dẫn quản lý để hướng dẫn

nông thôn phát triển có trình tự. Ngoài ra, cần quan tâm tới tính mềm dẻo trong phát triển nông thôn, thông qua các phương thức như chỉ tiêu đất sử dụng cơ động dự trữ để quan tâm tới nhu cầu phát triển đất sử dụng trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.

3. Hoàn thiện hệ thống hỗ trợ phát triển hội nhập đô thị và nông thôn

Đưa cơ sở hạ tầng và cơ sở dịch vụ công cộng vào trong hệ thống hỗ trợ phát triển, xây dựng cơ chế cùng xây dựng, cùng chia sẻ trong phát triển hội nhập đô thị và nông thôn, đồng thời quan tâm tới việc bố trí đồng đều các cơ sở dịch vụ công cộng cơ bản, tránh hiệu quả việc đầu tư xây dựng trùng lặp. Trong bố trí cơ sở hạ tầng đô thị cần thể hiện chiến lược bố cục cơ sở linh hoạt, phù hợp, sử dụng tổng hợp phương án giải quyết của đô thị sử dụng đồng thời mạng lưới đường ống đô thị theo phương thức tập trung và hệ thống vi tuần hoàn theo phương thức phân tán.

Hồ Quyền

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 7/2019

ND: Kim Nhạn

Những thiết kế thang máy độc đáo nhất thế giới

Thang máy - những phương tiện vận chuyển theo phương thẳng đứng khác lạ nhất là một chủ đề thú vị, xét từ góc độ các giải pháp kiến trúc, cảnh quan và giải pháp kỹ thuật ban đầu.

Hệ thống thang nâng Bailong Elevator trong khu Công viên quốc gia Trương Gia Giới tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc có thể di chuyển dọc theo vách dãy núi đồ sộ, và chỉ trong vài phút sẽ đưa du khách lên đỉnh núi cao 330m, nơi có đài quan sát để ngắm cảnh quan núi rừng mờ ảo tuyệt đẹp. Bailong Elevator đã được đưa vào Kỷ lục Guinness là thang máy cao nhất thế giới trong không gian mở (Hình 1)

Mỗi cabin hai tầng có sức chứa 50 người (tức là có thể vận chuyển 1380 người/giờ). Sức hấp dẫn mạnh hơn bởi các tường của thang máy trong suốt, điều này đặc biệt hấp dẫn những du khách thích cảm giác mạnh.

Trong các tầng đá theo sườn núi, các giếng và đường hầm được khoan nhằm đảm bảo hạ tầng cho thang máy hoạt động. Ngoài ra, trong trường hợp xảy ra động đất hoặc thiên tai, mọi người từ cả ba cabin thang máy có thể được sơ tán nhanh chóng.

Những người ủng hộ dự án bảo lưu ý kiến rằng hệ thống thang máy có tiềm năng vận



Hình 1: Bailong Elevator trong khu công viên quốc gia Trương Gia Giới (Hồ Nam, Trung Quốc)



Hình 3: Hệ thống thang nâng thủy lực dành cho tàu thuyền qua kênh tại Scotland



Hình 2: Arch Gateway St. Louis (Mỹ)



Hình 4: Thang máy “ẩn” bên trong bể cá lớn tại khách sạn Radisson Blu (Berlin, Đức) trúc bên trong của công trình (Hình 2).

chuyến hành khách lớn nhất thế giới này sẽ cứu những con đường mòn trên núi khỏi sự quá tải. Tuy nhiên những người phản đối cho rằng khu vực có hơn 5 triệu lượt khách ghé thăm mỗi năm đã bão hòa với lượng khách du lịch, và một điểm hấp dẫn khác khiến lượng du khách tăng thêm sẽ chỉ đưa lại nhiều hệ quả xấu cho môi trường. Dự án cũng vấp phải sự phê phán mạnh từ các nhà môi trường, do đây được coi là vùng lõi khu vực bảo tồn. Cuối cùng, thang máy vẫn được xây dựng phục vụ khách du lịch, và thực sự góp phần vào danh tiếng ngày càng tăng lên của khu vực, và của cả tỉnh Hồ Nam nói chung.

Để du khách có thể lên đỉnh Arch Gateway tại St. Louis (tượng đài cao nhất của nước Mỹ), các nhà thiết kế đã có ý tưởng sử dụng thang máy, với cửa ra vào các cabin bằng kính trong suốt, giúp du khách chiêm ngưỡng toàn bộ cấu

trúc bên trong của công trình (Hình 2). Arch Gateway có chiều cao 192m, khoảng cách giữa hai chân cổng vòm cũng tương đương như vậy. Toàn bộ hình dáng được tính toán kỹ bằng các công thức lượng giác tương thích. Kết cấu được bọc bằng thép không gỉ, bên trong đổ bê tông cho tới độ cao 95m, cao hơn nữa chỉ là sườn cứng bằng thép. Bên trong vòm là một cơ chế nâng, vừa giống thang máy vừa giống bánh xe đu quay. Khách đi vào những cabin hình khí động học, và được đưa lên cao tới một đài quan sát nhỏ trên đỉnh vòm. Từ đây có thể phóng tầm mắt ngắm toàn cảnh con sông Mississippi hùng vĩ và thành phố St. Louis. Trong những ngày đẹp trời, bán kính quan sát có thể tới 50km.

Hai kênh đào Union và Ford Clyde ở Scotland có độ cao chênh lệch khoảng 24m.



Hình 5: Thang máy lên đỉnh đồi Hammetschwand (Thụy Sĩ) - thang máy cao nhất châu Âu

Ban đầu, các kênh liên kết với nhau bằng mười một cửa cống. Để vượt qua tất cả mười một cửa cống này, các tàu thuyền phải mất hơn ba giờ đồng hồ, rất bất lợi. Trong những năm 1930, việc vận chuyển bằng tàu thuyền trong khu vực đã bị đình trệ, các cửa cống bị lấp do không còn cần thiết. Cho tới năm 1998, chính quyền đã quyết định khôi phục dự án này nhằm kết nối hai đô thị Glasgow và Edinburgh. Mô hình cũ tạo sự liên kết các kênh bằng các cửa cống được quyết định thay thế bằng một hệ thống nâng dành cho tàu thuyền vô cùng độc đáo. Falkirk Wheel đã được khánh thành vào tháng 5/2002.

Nhìn từ xa, hệ thống giống như một đôi rìu Celtic khổng lồ. Ở hai phía đối diện nhau là những bể chứa lớn đầy nước có thể chứa cả con tàu. Tàu khi vào bể sẽ làm một lượng nước tương đương trọng lượng tàu trào ra khỏi bể, tạo sự đối trọng. Hai bên của hệ thống nâng nặng tương đương nhau. Do đó, hệ thống nâng tàu chỉ tiêu thụ lượng điện tối thiểu. Mỗi bể chứa có chiều dài 21m, chiều rộng 6m và có thể chứa khoảng 360 nghìn lít nước. Bánh xe nâng hoặc hạ con tàu từ kênh này sang kênh khác (kênh đào Union nằm trên cao so với kênh Fort Clyde) (Hình 3).

Nếu chọn tour du lịch dọc theo các kênh này, du khách có thể quan sát từ bên trong hoạt



Hình 6: Thang máy SkyView của tổ hợp thể thao Globen Arena (Stockholm, Thụy Điển)

động của thang máy thủy lực quay vòng duy nhất trên thế giới.

Bên trong bể cá nước mặn hình trụ lớn nhất thế giới nằm trong sảnh của khách sạn Radisson Blu ở Berlin (Đức), các nhà thiết kế đã “giấu” một thang máy trong suốt. Trong quá trình lên xuống, du khách có thể tiếp cận bức tranh toàn cảnh 360 độ của thủy cung với khoảng 1500 con cá thuộc 97 loài khác nhau (Hình 4).

Đỉnh đồi Hammetschwand là điểm cao nhất trên Bán đảo Burgenstock (Thụy Sĩ). Du khách có thể lên tận đỉnh đồi bằng một thang máy tốc độ cao. Sàn thang máy có diện tích khá nhỏ - chỉ 2 x 2 (m), nhưng có thể nâng du khách lên một độ cao 153m trong chưa đầy một phút. Trong thang không có bức tường hay vách ngăn kín nào cả. Để vào cabin, cần đi vào một đường hầm khoét vào lòng đá. Tất cả các cơ chế của kết cấu nâng cũng được đặt trong đá. Đài quan sát ở trên cùng của thang dường như “chênh vênh” ở độ cao 1132m so với mực nước biển. Từ đó có thể ngắm nhìn khung cảnh tuyệt đẹp của hồ Firwaldstetskoe bên dưới và dãy Alps trùng điệp (Hình 5)

Thang máy SkyView có chiều dài 100m đã trở thành một phần không thể tách rời của tổ hợp thể thao Globen Arena tại Stockholm (Thụy Điển). Kết cấu hình cầu khổng lồ màu



Hình 7: Lloyd Building với hệ thống thang máy và các hệ thống kỹ thuật nằm bên ngoài

trắng cao 85m, đường kính 110m ở phía nam Stockholm còn có tên gọi khác là Ericsson Globe. Tổ hợp thể thao - giải trí được hoàn thành từ năm 1989. Hệ thống thang nâng độc đáo, bổ sung cho nét độc đáo của Globen Arena được xây sau đó khá lâu, từ 2004 - 2010. Các số liệu thống kê được công bố cho thấy trong năm đầu tiên hoạt động, thang đã vận chuyển 160 nghìn người (Hình 6).

Việc mua thiết bị thang máy cho cấu trúc ban đầu của tổ hợp không khả thi. Tất cả các kết cấu cần được chế tạo theo đơn đặt hàng riêng, và phù hợp thiết kế tổng thể của công trình. Các cabin thang máy được làm dưới dạng những khối cầu bằng kính. Tường kính trong suốt mở ra tầm nhìn tuyệt đẹp toàn cảnh thành phố. Từ các điểm quan sát trên cao, quần đảo Stockholm nom thật lộng lẫy.

Thang máy SkyView di chuyển dọc theo phía nam Globen Arena. Dọc theo tường ngoài lắp đặt các ray đặc biệt cho hai quả cầu kính di chuyển. Mỗi quả cầu có thể vận chuyển tới đa 16 người. Tổng cộng, Ericsson Globe được “phụ” thêm 70 tấn kết cấu thép.

Để lắp đặt các khối cầu, nhất thiết phải có sự hỗ trợ của máy bay trực thăng và các nhà leo núi chuyên nghiệp. SkyView được chế tạo bởi công ty chuyên sản xuất thang máy trượt tuyết nổi tiếng của Thụy Điển, và nhanh chóng



Hình 8: Thang máy trong bảo tàng của Tập đoàn Mercedes - Benz giống dây chuyền sản xuất ô tô

trở thành điểm hấp dẫn du khách. Về lý thuyết, trong một giờ đồng hồ, hai cabin có thể tổ chức chuyến đi “lên đỉnh” cho tới đa 96 du khách. Thời gian SkyView di chuyển đến điểm cao nhất đủ để tổ chức một lễ cưới. Đó chính là điều các cặp đôi hiện đại rất yêu thích.

Lloyd Building được xây năm 1986 tại London bởi một trong những người sáng lập phong cách hi tech - kiến trúc sư Richard Rogers, là sự thể hiện rõ ràng về cách sử dụng tối ưu không gian bên trong của công trình. Tính độc đáo của công trình ở chỗ hầu hết hệ thống liên lạc kỹ thuật (cấp nước, sưởi ấm, thông gió, thang bộ, thang máy...) đều được đưa ra mặt dựng bên ngoài. Đó là lý do tại sao Lloyds còn có tên gọi The Inside - Out Building. Với thiết kế Lloyds, Richard Rogers trở thành KTS đầu tiên của Anh sử dụng thang máy bên ngoài có lắp kính (Hình 7).

Các bức tường của tất cả 12 thang máy đều được làm bằng kính, quá trình lên xuống tạo tầm nhìn rộng mở ra xung quanh mà không bị cản trở. Chỉ nhân viên mới có quyền ra vào tòa nhà. Tuy nhiên, trong thời gian tổ chức Open House London hàng năm, bất cứ ai cũng có thể tới Lloyd Building và thử nghiệm đi những chiếc thang máy có một không hai tại đây.

Trong danh sách các tòa nhà cao nhất thế giới, “Đài Bắc 101” tại Đài Bắc chỉ chiếm vị trí

thứ năm, nhưng thang máy của tòa tháp này được coi là nhanh nhất thế giới, vì không có thang máy nào có vận tốc tương đương. Các thang lên với vận tốc 60,6 km/h. Một chuyến đi từ tầng 5 đến đài quan sát ở tầng 89 chỉ mất có 39 giây.

Trong bảo tàng của Tập đoàn ô tô Mercedes-Benz ở Stuttgart (Đức), chủ đề của ngành công nghiệp ô tô hiện diện khắp nơi, ngay cả trong thiết kế thang máy. Các thang máy được thiết kế dưới dạng toa xe hình khí động học gợi nhắc đến một dây chuyền sản xuất xe. Thang di chuyển không hề có tiếng ồn, đưa khách lên thẳng tầng 9 nơi bắt đầu các

cuộc trưng bày triển lãm (Hình 8).

Sàn thang máy của Sky Tower cao 328m trong trung tâm kinh doanh thành phố Auckland (New Zealand) được làm một phần bằng kính. Khi thang máy nâng lên với tốc độ 18 km/h, dưới chân khách sẽ hiện lên một “vực sâu không đáy”.

A. Nikolev

*Nguồn: Tạp chí Vật liệu Xây dựng,
Công nghệ & Thiết bị thế kỷ XXI (Nga)
tháng 12/2019*

ND: Lê Minh

BỘ XÂY DỰNG CHỦ TRÌ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN BỆNH VIỆN DÃ CHIẾN PHÒNG CHỐNG ĐẠI DỊCH COVID-19

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020



Thủ trưởng Lê Quang Hùng chủ trì Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị